

Số: 32/2019/TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
- Mã chứng khoán: TPB
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 37688998
- Fax: 024. 37688979
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quang Tiến  
Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 08/04/2019 tại đường dẫn: <https://tpb.vn/nha-dau-tu/bao-cao-thuong-nien>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Lưu VP. HĐQT.

**Đại diện tổ chức**

Người UQ CBTT

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**



Lê Quang Tiến



10 năm  
THẤU HIỂU  
TRIỆU TRÁI TIM



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Luôn tiên phong trong việc số hóa các dịch vụ ngân hàng, lấy sự thấu hiểu khách hàng làm nền tảng hoạt động, TPBank vẫn, đang và luôn giữ vững mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu Việt Nam.

Các dịch vụ, sản phẩm ngân hàng số của TPBank ngày càng đa dạng, thân thiện, hướng tới mục tiêu xây dựng phong cách chất lượng dịch vụ ngân hàng hàng đầu, phục vụ không ngừng nghỉ.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các cán bộ nhân viên TPBank luôn tâm niệm sẽ xây dựng TPBank thành một ngân hàng hiệu quả, vững mạnh nhằm mang lại những giá trị bền vững cho cổ đông, cho khách hàng, cho nhà đầu tư.



# MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	06 - 07
Tổng quan về TPBank	09 - 23
Hoạt động ngân hàng 2018	24 - 35
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2018	38 - 65
Báo cáo quản trị 2018	66 - 73
Kế hoạch kinh doanh 2019	74 - 81
Hệ thống mạng lưới	82 - 83
Danh sách ngân hàng liên kết	84 - 86



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý vị!

Năm 2018, kinh tế thế giới diễn biến khó lường, nhưng nền kinh tế trong nước đã có nhiều khởi sắc, môi trường kinh doanh cải thiện. Nhờ sớm đưa ra những nhận định chính xác và quyết liệt thực thi các giải pháp kinh doanh hiệu quả, TPBank đã trải qua một năm đáng nhớ với nhiều mốc son chói lọi trong lịch sử ngân hàng.

Trong năm khởi đầu của kế hoạch 2018 - 2023, chúng ta đã hoàn thành nhiều hạng mục công việc quan trọng, niêm yết thành công 555 triệu cổ phiếu TPB trên sàn HOSE TP.HCM, phát triển được cơ sở khách hàng lớn mạnh với 2,3 triệu khách hàng, hoàn thiện hệ thống quy trình, ứng dụng nhiều nền tảng công nghệ mới, tiếp tục khẳng định vị thế số 1 về ngân hàng số, được thị trường đón nhận.

Những nỗ lực bền bỉ của toàn hàng đã được đền đáp bằng các chỉ số kinh doanh vượt mức kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, lần đầu tiên, chúng ta đã đạt lợi nhuận trước thuế 2.258 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 136 nghìn tỷ đồng, mạng lưới chi nhánh truyền thống và ngân hàng tự động đều được mở rộng, nâng cao mạnh mẽ năng lực phục vụ 24/7 của ngân hàng.

Ghi nhận sức mạnh nội tại và các hoạt động kinh doanh minh bạch của TPBank, nhiều tổ chức uy tín đã trao các giải thưởng và nâng bậc xếp hạng của TPBank, mới đây, TPBank được Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm từ B2 lên B1, được tạp chí tài chính GBM trao giải Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất. Trong sự kiện kỉ niệm 10 năm thành lập, TPBank được Đảng và Nhà nước trao tặng HCLĐ hạng Ba cao quý. Thành công này ghi nhận sự đóng góp của toàn bộ CBNV TPBank và sự ủng hộ của Quý cổ đông, cho phép tôi được gửi lời cảm ơn chân thành đến quý vị.

Trong năm 2019, với vị trí mới, tâm thế mới TPBank đặt ra mục tiêu tham vọng hơn, gia tăng tổng tài sản từ 136 nghìn tỷ lên 152 nghìn tỷ đồng, phát triển ổn định với 2,5 triệu khách hàng, tăng trưởng lợi nhuận thêm 41.7%, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản và duy trì nợ xấu ở mức thấp so với toàn hệ thống, nâng cao năng lực quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, đáp ứng các điều kiện áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II.

Chúng ta tin tưởng rằng, cùng với sự sát sao chỉ đạo điều hành của HĐQT với đại diện là EXCO, BĐH và sự kề vai sát cánh của CBNV TPBank cùng Quý cổ đông, TPBank sẽ gặt hái thêm thành công to lớn, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong năm 2019 và trong chặng đường tương lai tươi sáng, vươn tới đỉnh cao của ngân hàng.



Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị  
Đỗ Minh Phú





# TỔNG QUAN VỀ TPBANK

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) được thành lập ngày 5/5/2008. Với khát vọng trở thành một tổ chức tài chính minh bạch, hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và khách hàng, TPBank đã thừa hưởng sức mạnh vững mạnh từ các cổ đông chiến lược gồm Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI, Tập đoàn Công nghệ FPT, Tổng công ty Tái bảo hiểm Việt Nam (Vinare), Tập đoàn Tài chính SBI Ven Holding Pte. Ltd (Singapore), Công ty Tài chính Quốc tế IFC (thuộc World Bank) và quỹ đầu tư PYN Elite Fund.

Trải qua 10 năm không ngừng nỗ lực, với nền tảng vững chắc và chiến lược đúng đắn, TPBank đã có bước phát triển đột phá với kết quả kinh doanh vô cùng ấn tượng. Tính đến hết năm 2018, so với năm 2012 trước thời điểm tái cơ cấu, TPBank có hơn 2,2 triệu khách hàng tổ chức và cá nhân, tăng gấp 40 lần; tổng tài sản đạt trên 136 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 10 lần; vốn chủ sở hữu đạt 10,5 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 7 lần. Năm 2018, lợi nhuận trước thuế TPBank đạt 2.258 tỷ đồng tăng gấp đôi cùng kỳ năm 2017 và tăng trưởng gấp 4 lần so với năm 2015.

Mục tiêu đi đầu về Ngân hàng số, TPBank đã tạo ra nhiều sản phẩm đột phá như LiveBank – mô hình ngân hàng tự động 24/7, Savy - ứng dụng tiết kiệm vạn năng, QuickPay – thanh toán bằng mã QR code, ứng dụng ngân hàng điện tử Ebank... TPBank đã ứng dụng thành công trợ lý ảo T'Aio với trí thông minh nhân tạo AI và công nghệ máy học Machine Learning, hệ thống nhận diện khách hàng bằng giọng nói và vân tay... Tất cả những sản phẩm độc đáo đó đã giúp TPBank trở thành nhà băng đầu tiên có hệ sinh thái ngân hàng số đa dạng và vượt trội tại Việt Nam.

Năm 2018, TPBank đã niêm yết thành công 555 triệu cổ phiếu trên sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, đánh dấu bước ngoặt lớn trong quá trình hoạt động ổn định và bền vững của nhà băng. TPBank cũng nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà đầu tư nước ngoài, nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế cũng liên tục đánh giá cao TPBank với các giải thưởng danh giá.

Với tuyên ngôn thương hiệu “Vì chúng tôi hiểu bạn”, TPBank mong muốn lấy nền tảng của “sự thấu hiểu” khách hàng để xây dựng phong cách chất lượng dịch vụ ngân hàng hàng đầu. Hiểu để sẻ chia, hiểu để cùng đồng hành với khách hàng, để sáng tạo ra những sản phẩm dịch vụ tốt nhất và phù hợp nhất, đem lại những giá trị gia tăng cao nhất cho khách hàng. Đó cũng chính là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững mà TPBank hướng đến.

**Ông Đỗ Minh Phú**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Minh Phú được bầu vào vị trí Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) nhiệm kỳ 2018 - 2023. Đối với tổ chức hiệp hội ông giữ chức vụ: Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Vàng Việt Nam; Phó Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ; Đại sứ của Hiệp hội Đá quý Quốc tế tại Việt Nam; Ủy viên BCH Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam - VCCI. Đối với doanh nghiệp là: Chủ tịch Hội đồng sáng lập, Chủ tịch Hội đồng đầu tư - Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI.

Với những thành tích và đóng góp xuất sắc cho nền kinh tế và xã hội, ông Đỗ Minh Phú đã vinh dự được các Lãnh đạo cao cấp của Nhà nước, Chính phủ tặng Huân chương và Bằng khen như: Huân chương Lao động hạng Ba (2014 và 2012); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc triển khai Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015" (2013); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì "Đã có nhiều thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc" (2011); Bằng khen của Thống đốc NHNN vì "Đã có thành tích đóng góp cho Hoạt động Ngân hàng Việt Nam" (2013); Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương vì "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công thương Việt Nam năm 2011" (2011), "Doanh nhân xuất sắc Thương mại Dịch vụ Việt Nam 2013" (2014); Kỷ niệm chương của Bộ trưởng Bộ Công thương "Vi sự nghiệp phát triển ngành Công thương Việt Nam" (2013).

Ông Đỗ Minh Phú là Cử nhân Đại học Bách Khoa Hà Nội, khoa Vô tuyến Điện tử.





**Ông Lê Quang Tiến**  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Tiến được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch HĐQT TPBank nhiệm kỳ 2018 - 2023. Ông là một trong những sáng lập viên và là Chủ tịch HĐQT đầu tiên của TPBank. Hiện ông Tiến đồng thời là thành viên Hội đồng sáng lập FPT.

Năm 2013, ông Tiến vinh dự được nhận bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho những thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015".

Ông Tiến tốt nghiệp khoa Vật lý, Đại học Tổng hợp Kishinev State University và khoa Quản trị Kinh doanh Cao cấp tại Đại học Amos Tuck (Hoa Kỳ).

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Đỗ Anh Tú**  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Anh Tú được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch HĐQT TPBank nhiệm kỳ 2018 - 2023. Hiện ông Tú đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty CP Diana thuộc Tập đoàn Unicharm, Nhật Bản.

Là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực quản trị thương hiệu và marketing, ông Tú đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao vị thế thương hiệu ngân hàng.

Năm 2013, Ông Tú đã vinh dự được nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho những thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015".

Ông Tú đã bảo vệ thành công Luận án Phó Tiến sĩ tại Đại học Kỹ thuật Praha, Cộng hòa Séc.



**Bà Nguyễn Thu Hà**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thu Hà được bổ nhiệm vào vị trí Ủy viên Hội đồng Quản trị độc lập của TPBank nhiệm kỳ 2013-2018.

Bà Nguyễn Thu Hà hiện đồng thời là thành viên HĐQT độc lập của Công ty cổ phần dịch vụ thẻ Smartlink.

Trước đây, bà Nguyễn Thu Hà từng đảm nhận các vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Chủ tịch Công ty chứng khoán Vietcombank, Chủ tịch Hội Thẻ Ngân hàng Việt Nam thuộc Hiệp hội ngân hàng Việt Nam. Bà Nguyễn Thu Hà là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Georgetown, Washington DC, Hoa Kỳ.

## UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Bà Đỗ Thị Nhung**  
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Bà Đỗ Thị Nhung được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Bà Đỗ Thị Nhung từng đảm nhiệm chức vụ Phó Vụ trưởng - Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bà Đỗ Thị Nhung là cử nhân kinh tế Học viện Ngân hàng.





**Ông Shuzo Shikata**  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Shuzo Shikata được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐQT của TPBank nhiệm kỳ 2018 - 2023. Hiện ông giữ chức vụ Trưởng phòng Phát triển kinh doanh dịch vụ tài chính nước ngoài của Tập đoàn SBI Holding, Inc., và đồng thời đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT.

Với kinh nghiệm quản trị tiên tiến và hiện đại tại các ngân hàng nước ngoài, ông Shuzo Shikata cùng Tập đoàn SBI Holdings, Inc., hiện đang hỗ trợ tích cực cho Ngân hàng Tiên Phong trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển ngân hàng.

Ông Shuzo Shikata tốt nghiệp cử nhân Kinh tế, Trường Đại học Ritsumeikan, Nhật Bản.

**Ông Phạm Công Tứ**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Công Tứ tham gia vào HĐQT TPBank từ những ngày đầu thành lập. Ông được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Ông Tứ là một chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm. Hiện nay, ông Phạm Công Tứ đang là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm quốc gia Việt Nam.

Ông Tứ là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Học viện Kinh doanh, Vương quốc Bỉ và Cử nhân Tài chính - Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán, Hà Nội.



**Ông Eichiro So**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Eichiro So được bổ nhiệm giữ vị trí Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Ông Eichiro So hiện đang là Giám đốc đại diện của Công ty TNHH Chứng khoán Trực tuyến SBI Thai.

Ông Eichiro So tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh doanh của Trường Đại học Hitotsubashi.





**Ông Nguyễn Hưng**  
Tổng Giám Đốc



**Bà Trương Thị Hoàng Lan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Khối Đầu tư và  
Khách hàng Doanh nghiệp lớn



**Ông Phạm Đông Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Khối Vận hành

# BAN ĐIỀU HÀNH

## **Ông Nguyễn Hưng** Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Hưng được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong từ tháng 07/2012 và được tái bổ nhiệm vào tháng 9/2017. Ông Nguyễn Hưng có 30 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có hơn 20 năm làm quản lý cấp cao.

Tốt nghiệp Học viện Ngân hàng và là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Thương mại điện tử, North Central University, Hoa Kỳ, ông Nguyễn Hưng từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý chủ chốt như: Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) từ 04/2009 đến 06/2012, giữ nhiều chức vụ quản lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2009.

Với những đóng góp quan trọng trong việc đưa TPBank trở thành một ngân hàng lành mạnh, với công nghệ hiện đại và hoạt động hiệu quả hàng đầu hiện nay, ông Nguyễn Hưng đã được Thống đốc NHNN Việt Nam 2 lần tặng Bằng khen cho những thành tích xuất sắc trên cương vị Tổng Giám đốc TPBank.

## **Bà Trương Thị Hoàng Lan** Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn

Bà Trương Thị Hoàng Lan gia nhập TPBank từ tháng 02/2011. Bà Hoàng Lan đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại TPBank, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Đầu tư và Ngân hàng Lưu ký từ tháng 5/2015. Đến tháng 12/2016, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn. Ngày 28/12/2018, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn.

Tháng 09/2014, bà Trương Thị Hoàng Lan đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012 - 2013".

Bà Hoàng Lan là cử nhân xuất sắc chuyên ngành Khoa học Quản lý Đại học Thăng Long.

## **Ông Phạm Đông Anh** Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Vận hành

Ông Phạm Đông Anh gia nhập Ngân hàng Tiên Phong năm 2007 từ những ngày đầu thành lập dự án.

Năm 2010, ông Đông Anh được bổ nhiệm Giám đốc Cao cấp phụ trách Nghiệp vụ. Tháng 04/2011 được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc và phụ trách Khối Nghiệp vụ, Khối Nguồn lực và Phát triển Mạng lưới.

Từ tháng 8/2012 đến nay, ông Đông Anh là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành.

Tháng 9/2014, ông Phạm Đông Anh đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012 - 2013"

# BAN ĐIỀU HÀNH



## **Ông Nguyễn Hồng Quân**

**Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Quản trị rủi ro**

Ông Nguyễn Hồng Quân được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro của TPBank từ ngày 01/02/2012. Trước khi gia nhập TPBank, ông Quân đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư. Ông từng là Giám đốc Quản trị Rủi ro, Phó Giám đốc về Tuân thủ và Kiểm soát nội bộ, Citibank Việt Nam; Quyền Tổng Giám đốc Công ty Chứng Khoán An Bình.

Ông Quân là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh cao cấp (EMBA) tại Học viện Công nghệ Châu Á (AIT). Trước đó, ông tốt nghiệp ngành Thương mại Quốc tế, Đại học Ngoại Thương Hà Nội và là Kỹ sư Kinh tế, khoa Kinh tế Vận tải, Đại học Giao thông Hà Nội.

## **Ông Đinh Văn Chiến**

**Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân**

Ông Đinh Văn Chiến được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân từ ngày 04/12/2013. Từ tháng 4/2016, Ông Chiến được bổ nhiệm chức danh PTGD phụ trách Khối Ngân hàng Cá nhân.

Trước khi gia nhập TPBank, ông Chiến có bề dày hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng và marketing, đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các tổ chức trong nước và quốc tế như: Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ, Giám đốc Dự án Thẻ Visa/ Master, Vietcombank; Giám đốc Marketing tại Công ty Johnson & Johnson Việt Nam; Quản lý cao cấp tại Ngân hàng OCBC (Singapore) mảng Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân toàn cầu; Giám đốc Trung tâm Phát triển Sản phẩm thuộc Khối Ngân hàng bán lẻ tại VPBank từ năm 2011.

Ông Chiến là Cử nhân Đại học Ngoại thương; Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng tại trường ĐH Notre Dame, Indiana, Hoa Kỳ theo chương trình học bổng Fulbright.







**Ông Lê Hồng Nam**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Khối Tín dụng



**Ông Nguyễn Việt Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Khối Nguồn vốn  
và Thị trường tài chính



**Ông Khúc Văn Họa**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Khối  
Ngân hàng doanh nghiệp

**Ông Lê Hồng Nam**  
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Lê Hồng Nam gia nhập TPBank vào tháng 1/2009 với vị trí Giám đốc chi nhánh TPHCM. Tháng 03/2012, ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc - phụ trách khu vực phía Nam; sau đó được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng. Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, ông Nam có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đã trải qua các vị trí quản lý cấp cao tại các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như: Trưởng phòng Tín dụng & Đầu tư Hội sở - Ngân hàng LD ShinhanVina; Giám đốc Chi nhánh TPHCM - Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông.

Năm 2016, ông Lê Hồng Nam đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2014 - 2015".

**Ông Nguyễn Việt Anh**  
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính

Ông Nguyễn Việt Anh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính tiền tệ từ tháng 03/2011.

Ông Việt Anh là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ. Trước đó, ông tốt nghiệp Đại học Quốc gia Hà Nội và Học viện Quan hệ Quốc tế.

Trước khi tham gia Ngân hàng Tiên Phong, Ông Việt Anh đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại Techcombank và đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Nguồn vốn và Giao dịch Thị trường Tài chính; Tổng Giám đốc công ty Quản lý quỹ Kỹ Thương; Giám đốc Trung tâm Ngoại hối và Sản phẩm Phái sinh; Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hàng hóa và Quản lý Sàn Giao dịch; Trưởng Phòng Quản lý và Kinh doanh Tiền tệ, Ngoại hối.

**Ông Khúc Văn Họa**  
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Ngân hàng doanh nghiệp

Ông Khúc Văn Họa được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp từ ngày 15/09/2012. Tháng 4/2013 ông Họa được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Từ Tháng 6/2015 đến nay, ông Họa giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp.

Ông Họa là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trung tâm Pháp Việt đào tạo về Quản lý (CFVG). Trước khi gia nhập TPBank, ông Họa từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và Ngân hàng Quân đội (MB) như: Phó Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Giám đốc Trung tâm tín dụng SME, Giám đốc Vùng của Techcombank, Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn của MB.

# BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông Nguyễn Hữu Thanh**  
Giám đốc Khối Pháp chế và Xử lý nợ

Ông Nguyễn Hữu Thanh gia nhập TPBank từ tháng 5/2011, được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối từ ngày 16/6/2014. Ông Thanh có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Pháp chế ngân hàng. Trước khi gia nhập TPBank, ông Thanh từng làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, sau đó giữ vị trí Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ tại Techcombank. Ông Thanh là Thạc sỹ Luật, Viện Nhà nước và Pháp luật, Việt Nam; Thạc sỹ Chính sách công, Đại học Tsukuba, Nhật Bản.



**Ông Bùi Quang Cường**  
Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Ông Bùi Quang Cường gia nhập Ngân hàng từ thời gian đầu thành lập dự án tháng 05/2007. Ông Cường từng giữ các chức vụ quan trọng như: Giám đốc Trung tâm CNTT, quyền Giám đốc Trung tâm Thẻ và Ngân hàng Điện tử của TPBank. Hiện tại, ông Cường đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin (CNTT). Tháng 9/2014, ông Bùi Quang Cường vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012 - 2013". Ông Cường có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và CNTT. Trước khi gia nhập TPBank, ông từng đảm nhiệm các vị trí như Giám đốc Trung tâm phần mềm, Công ty 3C; Trưởng phòng tin học, Ngân hàng VID Public Bank. Ông Cường là Cử nhân Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.



**Ông Nguyễn Xuân Thanh**  
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Ông Nguyễn Xuân Thanh gia nhập TPBank từ tháng 06/2014 với vị trí Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực.

Trước đó, ông Thanh đã có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Nguồn nhân lực tại Techcombank và VPBank ở các vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhân sự, Giám đốc Đào tạo. Gần đây nhất, ông Thanh giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank).

Ông Thanh là Cử nhân Kinh tế Lao động, Đại học Kinh tế Quốc dân.

**Ông Nguyễn Lâm Hoàng**  
Giám đốc Khối Bán trực tiếp

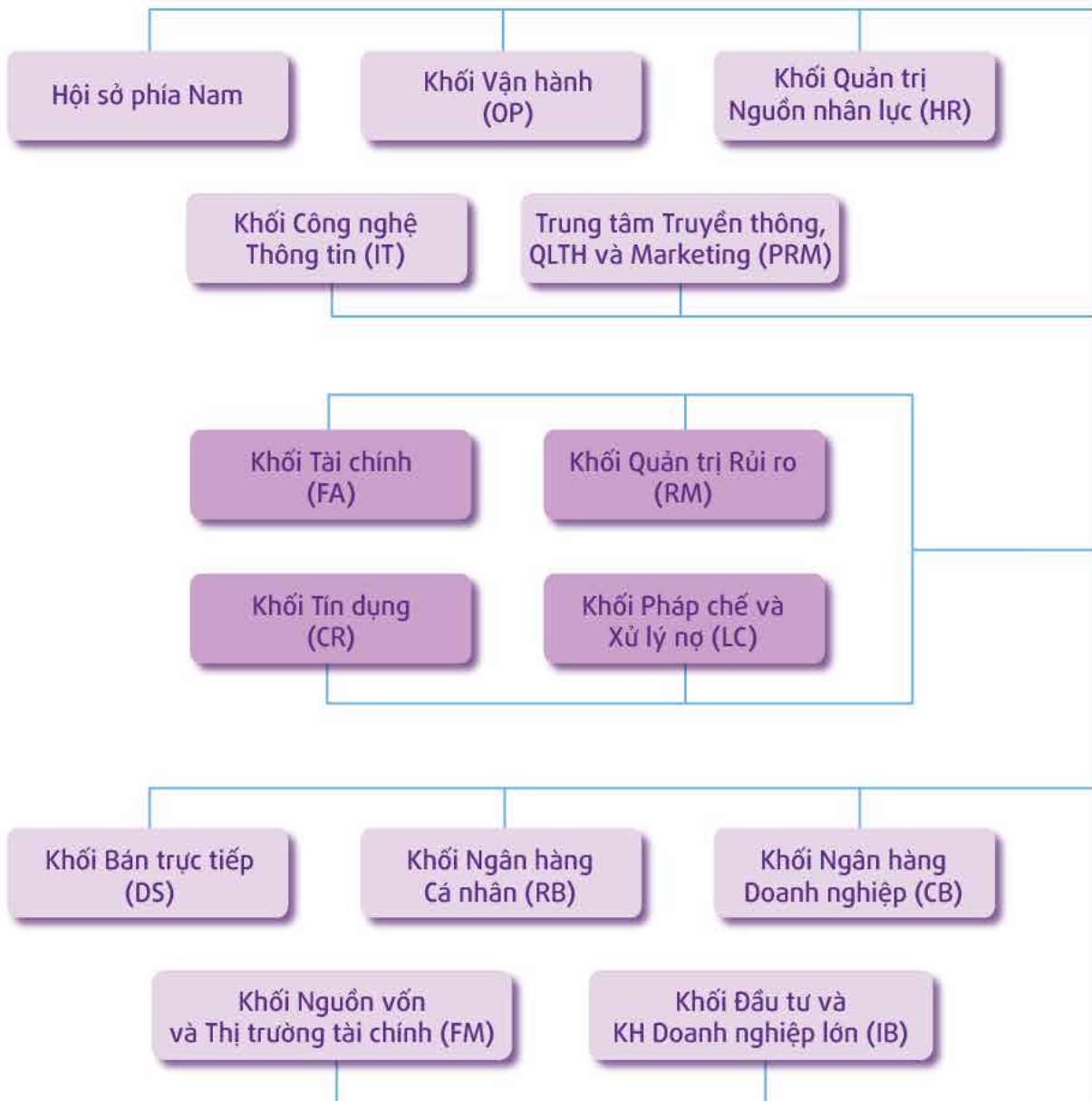
Ông Nguyễn Lâm Hoàng được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Bán trực tiếp, từ ngày 04/12/2013.

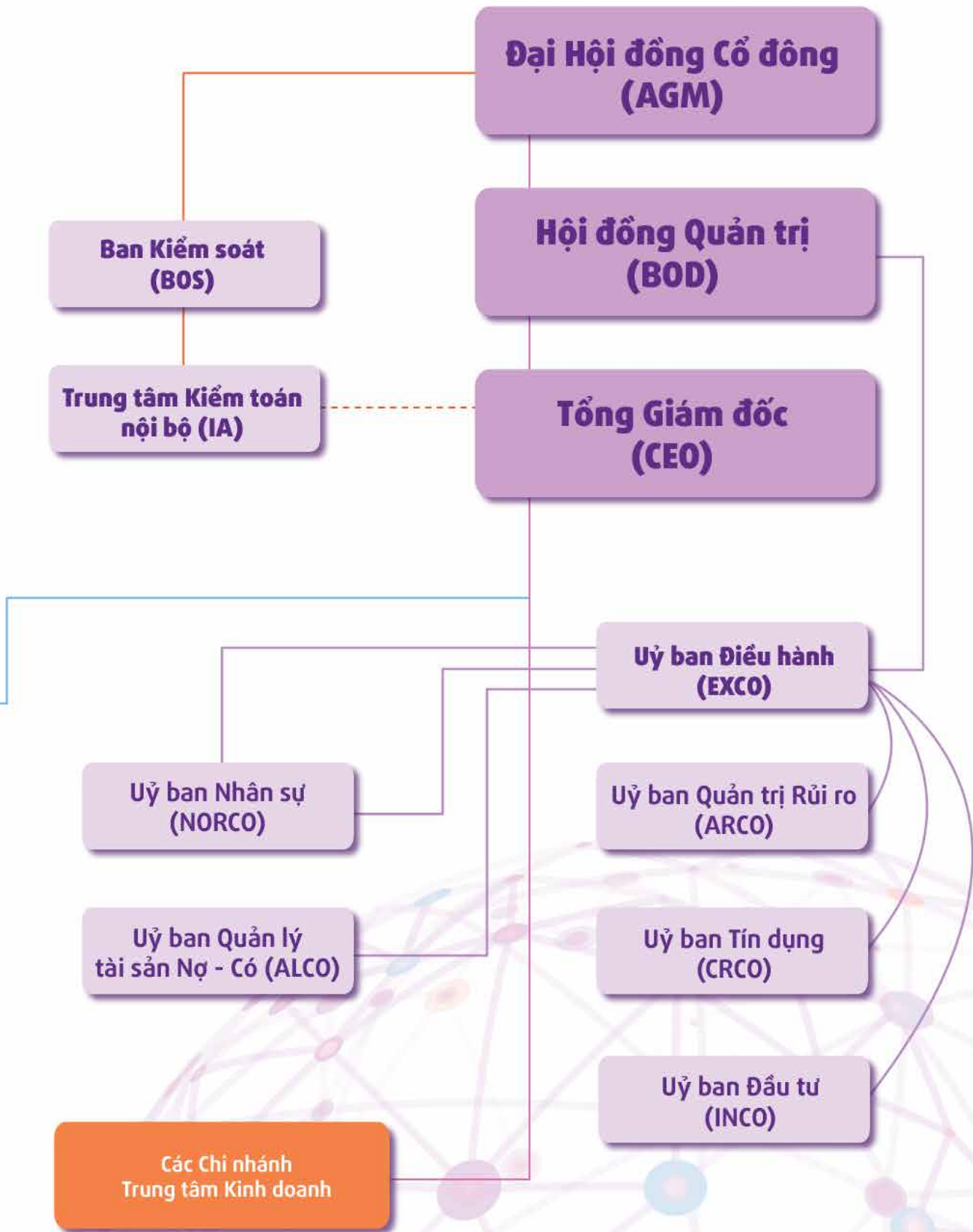
Trước đó, ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng tại Techcombank như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp; Giám đốc Bán lẻ miền Bắc thuộc Khối Dịch vụ khách hàng Tài chính cá nhân; Trưởng Dự án SSP miền Bắc kiêm Phó Giám đốc Trung tâm SSE, Khối S&D; Giám đốc Trung tâm Bán, Khối S&D.

Ông Hoàng là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG).



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC









**HOẠT ĐỘNG**  
**NGÂN HÀNG**

2018



01

Kỉ niệm 10 năm thành lập, TPBank đón nhận Huân chương lao động Hạng Ba của Đảng và Nhà nước

"Hành trình 10 năm của TPBank là hành trình chinh phục triệu trái tim của khách hàng bằng các sản phẩm vượt trội, sự phục vụ tận tâm, sự sáng tạo không ngừng và trên hết là sự thấu hiểu đến tận cùng để cùng đồng hành và chia sẻ" - Chủ tịch HĐQT Đỗ Minh Phú.



02

Niên yết thành công 555 triệu cổ phiếu trên sàn chứng khoán Nhà nước

Ngày 19/4/2018, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã công bố và trao quyết định niêm yết, chào mừng ngày giao dịch đầu tiên 555 triệu cổ phiếu TPB của TPBank.



03

Vốn điều lệ của TPBank tăng lên hơn 8.566 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt trên 10.000 tỷ đồng

Tháng 10/2018, NHNN có văn bản chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của TPBank từ hơn 6.718 tỷ đồng lên mức hơn 8.566 tỷ đồng. Trước đó, vào tháng 8/2018, NHNN đã có quyết định chấp thuận tăng vốn của TPBank từ 5.842 tỷ đồng lên 6.718 tỷ đồng thông qua việc phát hành riêng lẻ 87,6 triệu cổ phiếu trong tháng 6/2018.



07

Nhận nhiều giải thưởng danh giá từ IFC và ADB trong lĩnh vực tài trợ thương mại

Tháng 5/2018, Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC đã trao giải thưởng "Ngân hàng phát hành tốt nhất 2017 về lĩnh vực Tài trợ Thương mại cho các dự án thích ứng biến đổi khí hậu thông minh Khu vực Đông Á - Thái Bình Dương" cho TPBank. Tháng 9/2018, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB vinh danh TPBank là ngân hàng có tài trợ thương mại xuất sắc cho doanh nghiệp SME.



08

Mảng ngân hàng số đạt được nhiều thành tựu nổi bật

Tháng 1/2018, tạp chí The Asian Banker đã trao tặng 3 giải thưởng quốc tế uy tín trong lĩnh vực ngân hàng số cho TPBank: Best Internet Banking Initiative of the Year - Ngân hàng số sáng tạo nhất năm; Best CRM project in Vietnam - Hệ thống Quản lý và chăm sóc khách hàng tốt nhất Việt Nam; Best ATM and Kiosk Project in Vietnam - Ngân hàng tự động tốt nhất Việt Nam là ngân hàng đầu tiên triển khai thành công hệ thống nhận diện Khách hàng bằng giọng nói cùng nhiều tính năng mới hấp dẫn khác như rút tiền bằng vân tay, QR code ...



09

Nhận giải thưởng ngân hàng SME phát triển nhanh nhất tại Việt Nam do Tạp chí Global Banking and Finance Review bình chọn

Tháng 12/2018, Tạp chí Global Banking and Finance Review đã trao giải Ngân hàng SME phát triển nhanh nhất Việt Nam cho TPBank. Đại diện tạp chí cho biết, giải thưởng này được trao cho TPBank dựa trên các tiêu chí: số lượng khách hàng SME tăng trưởng trong năm, số lượng sản phẩm, dịch vụ tài chính dành cho khách hàng SME và tốc độ tăng trưởng doanh thu từ phân khúc khách hàng này.





04

TPBank liên tiếp được Moody's nâng mức xếp hạng lên B1, trong đó đáng chú ý là chỉ số sức mạnh nội tại BCA của ngân hàng

Ngày 30/10/2018, Hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's đã đưa ra công bố chính thức về việc nâng mức xếp hạng tín nhiệm cơ sở BCA của TPBank từ mức B2 lên mức B1. Việc TPBank được nâng mức xếp hạng BCA lên mức B1 cho thấy sức mạnh nội tại của ngân hàng đã được cải thiện rõ rệt.



05

TPBank được xếp vào Top 100 ngân hàng bán lẻ mạnh nhất châu Á Thái Bình Dương

Tạp chí The Asian Banker đã xếp TPBank nằm trong Top 100 ngân hàng bán lẻ mạnh nhất Châu Á Thái Bình Dương năm 2017 nhờ những đánh giá cao về tính bền vững, khả năng bán hàng cũng như sự minh bạch trong giá trị kinh doanh và giá trị thương hiệu.



06

TPBank nhận bằng khen của Bộ Tài Chính về việc thực hiện tốt công tác thuế

TPBank là một trong 8 ngân hàng vinh dự được đón nhận bằng khen của Bộ Tài chính trong phong trào thi đua "Thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2017". Đây là năm thứ 2 liên tiếp TPBank nhận được phần thưởng này.



10

# 10 SỰ KIỆN NỔI BẬT

Lợi nhuận trước thuế đạt 2.258 tỷ đồng, vượt mục tiêu đề ra

Kết thúc 2018, tổng lợi nhuận trước thuế của TPBank đạt 2.258 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017. Tổng tài sản của nhà băng đạt 136.179 tỷ đồng, vốn điều lệ đạt 8.566 tỷ đồng, dư nợ thị trường 1 đạt 84.329 tỷ đồng, tổng huy động đạt 181.592 tỷ đồng. Đặc biệt, nợ xấu chỉ ở mức 0.78%.

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG 2018

## I. TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2018

### 1. BỐI CẢNH KINH TẾ CHUNG

Bối cảnh kinh tế thế giới năm 2018 tăng trưởng chậm và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo, lạm phát toàn cầu có xu hướng tăng cao. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017. Với mức tăng này, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% của Chính phủ đã đạt được.

### 2. HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2017

Đến cuối năm 2018, tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 12,5% so với cuối năm 2017. Mặt bằng lãi suất được duy trì ổn định trong bối cảnh lãi suất thị trường quốc tế gia tăng, theo đó Ngân hàng Nhà nước điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và tiền tệ, tập trung điều tiết thanh khoản và đáp ứng nhu cầu thanh khoản cho TCTD. Mặt bằng lãi suất của TCTD năm 2018 về cơ bản ổn định với lãi suất cho vay khoảng 6-9%/năm với ngắn hạn, 9-11%/năm với trung và dài hạn. Điều hành tăng trưởng phù hợp cân đối vĩ mô, đáp ứng vốn của nền kinh tế, tập trung tín dụng vào sản xuất kinh doanh, tín dụng với các lĩnh vực rủi ro được kiểm soát chặt chẽ. Tín dụng tăng 14% so với năm 2017.

Thị trường ngoại tệ ổn định, NHNN tiếp tục mua ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước, góp phần kiểm soát lạm phát. Nhờ đó, thị trường ổn định, thanh khoản đảm bảo. Nợ xấu đã xử lý được một bước quan trọng. Tính đến cuối tháng 12/2018, toàn hệ thống TCTD đã xử lý được 149,22 nghìn tỷ đồng nợ xấu, tỉ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD là 1,89%, giảm so với mức 2,46% cuối năm 2016 và mức 1,99% cuối năm 2017.

Hoạt động thanh toán, cũng là một trong những ngành chủ động đi đầu ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghệ (CMCN) 4.0, nâng cao chất lượng, tăng tiện ích, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM).

Với TPBank, hoạt động năm 2018 được đánh giá là một năm hoạt động hiệu quả với kết quả lợi nhuận trước thuế đạt 2.258 tỷ đồng, vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017. Tổng vốn huy động của TPBank đến 31/12/2018 đạt 118.591 tỷ đồng tăng gần 4% so với cuối năm 2017. Hoạt động tín dụng của ngân hàng tăng gần 18,3% so với cuối năm 2017 với tổng dư nợ đạt gần 84.330 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng của TPBank vẫn tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, với mức nợ xấu ở mức 1,1 % thấp hơn nhiều so với quy định của NHNN. Các chỉ tiêu an toàn hoạt động luôn tuân thủ quy định của NHNN và yêu cầu của các đối tác.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2018

### 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT CỦA NGÂN HÀNG:

Năm 2018, Ngân hàng ghi nhận 10 dấu ấn nổi bật sau:

#### **Kỉ niệm 10 năm thành lập, TPBank đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba của Đảng và Nhà nước**

TPBank đã có bước chuyển mình và phát triển đột phá với những kết quả vô cùng ấn tượng trong suốt 10 năm qua. Tại sự kiện kỉ niệm 10 năm thành lập, TPBank đã vinh dự nhận được Huân chương Lao động Hạng Ba của Đảng và Nhà nước trao tặng.

## Lợi nhuận trước thuế của TPBank đạt 2.258 tỷ đồng, vượt mục tiêu đề ra

TPBank đã có một năm hoạt động hiệu quả với những kết quả kinh doanh xuất sắc với hầu hết các chỉ tiêu đều vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông. Kết thúc 2018, tổng lợi nhuận trước thuế của TPBank đạt 2.258 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017. Tổng tài sản của TPBank đạt 136.179 tỷ đồng, vốn điều lệ đạt 8.566 tỷ đồng, dư nợ thị trường 1 đạt 84.329 tỷ đồng, tổng huy động đạt 118.591 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát tốt ở mức 1,1%.

## Chính thức niêm yết 555 triệu cổ phiếu trên sàn chứng khoán thành phố HCM

Ngày 19/4/2018, 555 triệu cổ phiếu TPB chính thức được chào sàn với giá khởi điểm 32.000đ/ cổ phiếu, tương đương giá trị vốn hóa khi chào sàn đạt gần 17.760 tỷ đồng, tức khoảng 800 triệu USD.

## Vốn điều lệ của TPBank tăng lên hơn 8.566 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt trên 10.000 tỷ đồng

Tháng 4/2018, NHNN đã có quyết định chấp thuận tăng vốn của TPBank từ 5.842 tỷ đồng lên 6.718 tỷ đồng thông qua việc phát hành riêng lẻ 87,6 triệu cổ phiếu. Tháng 10/2018, NHNN tiếp tục có văn bản chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của TPBank từ hơn 6.718 tỷ đồng lên mức hơn 8.566 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và thặng dư vốn.

## TPBank và IFC ký kết hợp đồng cho vay hợp vốn dài hạn trị giá 100 triệu USD

IFC đánh giá cao về những bước tiến vững chắc, lành mạnh của TPBank, cũng như những đóng góp của ngân hàng vào sự phát triển chung của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cùng với khoản đầu tư này, IFC cũng sẽ tham gia tư vấn cho TPBank trong các lĩnh vực quản trị ngân hàng, quản lý rủi ro và nâng cao năng lực phát triển. Bên cạnh đó, IFC cũng đã tăng thêm hạn mức tài trợ thương mại toàn cầu cho TPBank lên 60 triệu USD.

## TPBank liên tiếp được Moody's nâng mức xếp hạng lên B1, trong đó đáng chú ý là chỉ số sức mạnh nội tại BCA của ngân hàng

Năm 2018, chỉ trong 4 tháng, TPBank đã được Moody's nâng mức xếp hạng tín nhiệm lên 3 lần với nhiều chỉ tiêu đánh giá quan trọng.

Ngày 30/10/2018, Hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's đã đưa ra công bố chính thức về việc nâng mức xếp hạng tín nhiệm cơ sở BCA của TPBank từ mức B2 lên mức B1.

Trước đó, Moody's cũng nâng xếp hạng tiền gửi và phát hành tiền gửi ngân hàng trong nước và ngoại tệ dài hạn của TPBank từ mức B2 lên mức B1 với triển vọng ổn định. Cùng với đánh giá này, Moody's cũng xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ dài hạn và xếp hạng rủi ro đối tác của TPBank ở mức B1.

## TPBank được xếp vào Top 100 ngân hàng bán lẻ mạnh nhất châu Á Thái Bình Dương

Tạp chí The Asian Banker đã xếp TPBank nằm trong Top 100 ngân hàng bán lẻ mạnh nhất Châu Á Thái Bình Dương nhờ những đánh giá cao về tính bền vững, khả năng bán hàng cũng như sự minh bạch trong giá trị kinh doanh và giá trị thương hiệu.

## Bộ Tài chính tặng bằng khen cho TPBank nhờ thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế

TPBank là một trong 8 ngân hàng vinh dự được đón nhận bằng khen của Bộ Tài chính trong phong trào thi đua "Thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2017". Đây là năm thứ 2 liên tiếp TPBank nhận được phần thưởng này.

## Nhận nhiều giải thưởng danh giá từ IFC và ADB trong lĩnh vực tài trợ thương mại

Tháng 5/2018, Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC đã trao giải thưởng "Ngân hàng phát hành tốt nhất 2017 về lĩnh vực Tài trợ Thương mại cho các dự án thích ứng biến đổi khí hậu thông minh Khu vực Đông Á - Thái Bình Dương" cho TPBank.

Tháng 9/2018, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB vinh danh TPBank là ngân hàng có tài trợ thương mại xuất sắc cho doanh nghiệp SME .

## Nhận giải thưởng của các tổ chức uy tín trong và ngoài nước

Mảng ngân hàng số đạt được nhiều thành tựu nổi bật, nhận 3 giải thưởng quốc tế uy tín từ tạp chí The Asian Banker trao tặng: Best Internet Banking Initiative of the Year - Ngân hàng số sáng tạo nhất năm; Best CRM project in Vietnam - Hệ thống Quản lý và chăm sóc khách hàng tốt nhất Việt Nam; Best ATM and Kiosk Project in Vietnam - Ngân hàng tự động tốt nhất Việt Nam. Ngoài ra năm 2018, TPBank là ngân hàng đầu tiên triển khai thành công hệ thống nhận diện khách hàng bằng giọng nói cùng nhiều tính năng mới hấp dẫn khác như rút tiền bằng vân tay, QR code ....

Tháng 12/2018, nhận giải thưởng ngân hàng SME phát triển nhanh nhất tại Việt Nam do Tạp chí Global Banking and Finance Review bình chọn.

## 2. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU 2018:

**Bảng 1: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Kế hoạch 2018	+/- so với cuối năm 2017	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2018
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>136.179</b>	<b>124.119</b>	<b>133.000</b>	<b>12.060</b>	<b>102,39%</b>
<b>2</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>8.566</b>	<b>5.842</b>	<b>8.533</b>	<b>2.724</b>	<b>100,39%</b>
<b>3</b>	<b>Tổng huy động</b>	<b>118.591</b>	<b>114.669</b>	<b>115.114</b>	<b>3.922</b>	<b>103,02%</b>
3.1	Tiền gửi khách hàng	84.853	73.780	84.796	11.074	100,07%
3.2	Tiền gửi & vay của TCTD khác	33.491	38.261	27.690	(4.770)	120,95%
3.3	Vốn tài trợ ủy thác	247	2.628	2.628	(2.381)	9,41%
<b>4</b>	<b>Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT</b>	<b>84.329</b>	<b>71.296</b>	<b>84.364</b>	<b>13.033</b>	<b>99,96%</b>
4.1	Cho vay khách hàng	78.458	64.007	73.430	14.451	106,85%
4.2	Đầu tư trái phiếu TCKT	5.871	7.289	10.934	(1.418)	53,69%
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ nợ xấu</b>	<b>1,1%</b>	<b>1,08%</b>	<b>&lt;2%</b>	<b>0,02%</b>	
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.258</b>	<b>1.206</b>	<b>2.200</b>	<b>1.052</b>	<b>102,64%</b>
<b>7</b>	<b>CAR</b>	<b>10,24%</b>	<b>&gt;9%</b>	<b>&gt;9%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>8</b>	<b>ROE</b>	<b>20,874%</b>	<b>15,6%</b>	<b>20,3%</b>	<b>5,2%</b>	

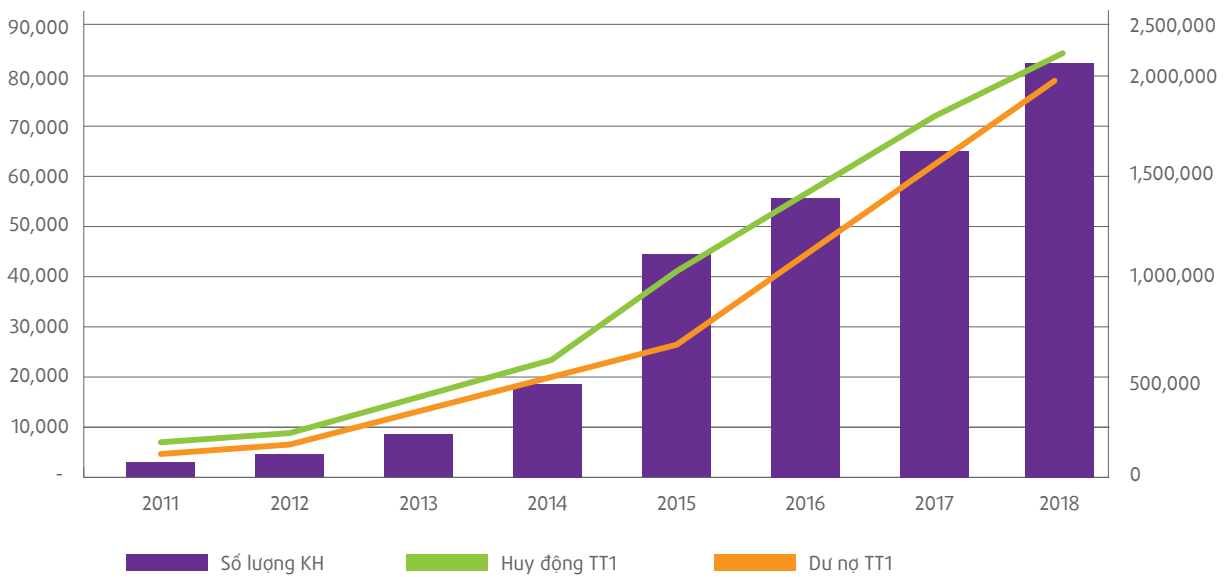
Tổng tài sản của TPBank đến 31/12/2018 đạt 136,2 nghìn tỷ đồng tăng gần 10% so với thời điểm cuối năm 2017. Tổng huy động đạt gần 118.600 tỷ đồng, trong đó cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn cũng có sự thay đổi về chất khi huy động thị trường 1 đạt 84.853 tỷ đồng, tăng 15% so với cuối năm 2017 (tương đương 11.074 tỷ đồng) giúp cho tỷ lệ đi vay và huy động thị trường 2 giảm từ 33% xuống còn 28% tại thời điểm 31/12/2018.

Hoạt động tín dụng của ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tốt đồng thời vẫn đảm bảo mức tăng trưởng tín dụng được NHNN cấp phép, với tổng dư nợ đạt gần 84.329 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng của TPBank được kiểm soát chặt, với mức nợ xấu ở mức trên dưới 1% thấp hơn nhiều so với quy định của NHNN. Tỷ lệ LDR theo thông tư 36 là 76%.

Tỷ lệ thực hiện các chỉ tiêu về huy động vốn và dư nợ tín dụng thấp hơn kế hoạch là do TPBank chủ động điều tiết cho phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng mà NHNN cho phép và giữ vốn huy động ở mức phù hợp để đảm bảo thanh khoản và các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN, đồng thời tối ưu chi phí vốn.

Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2018 của TPBank đạt 5.627 tỷ đồng trong đó thu nhập lãi thuần đạt 4.378 tỷ đồng, chiếm 77,8%; thu nhập thuần ngoài lãi đạt 1.249 tỷ đồng, chiếm 22,2%. Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro, tín dụng đạt 2.780 tỷ đồng. Trong năm 2018 ngân hàng đã trích lập 522,3 tỷ đồng dự phòng rủi ro trong đó dự phòng cho vay khách hàng 300,4 tỷ đồng (dự phòng chung 105,6 tỷ đồng, dự phòng cụ thể 194,8 tỷ đồng) và 221,9 tỷ đồng dự phòng cho các trái phiếu VAMC.

Lợi nhuận trước thuế, sau khi trích lập đầy đủ dự phòng, đạt mức 2.258 tỷ đồng, tăng 1.052 tỷ đồng, tương đương tăng 87% so với năm 2017, đồng thời hoàn thành vượt kế hoạch năm 2018 với tỷ lệ hoàn thành là 102,6%.



Biểu 1: Xu hướng huy động, dư nợ TT1 và số lượng khách hàng qua các năm

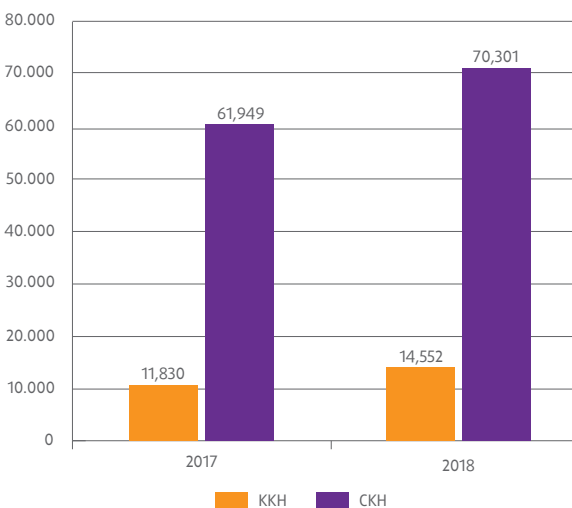
Quy mô tổng tài sản tại 31/12/2018 đạt 136,2 nghìn tỷ đồng tăng 12.060 tỷ đồng so với 31/12/2017, trong đó: Huy động thị trường 1 tăng 11.074 tỷ đồng tương ứng tăng 15%, cho vay Thị trường 1 (không bao gồm TPDN) tăng 14.452 tỷ đồng tương đương tăng 22,6%. Cơ sở khách hàng tiếp tục được mở rộng, tăng hơn 549 nghìn khách hàng (32,2%) so với năm 2017, đạt 2.264.952 khách hàng. Đây là nền tảng quan trọng để TPBank tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

### 3. KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

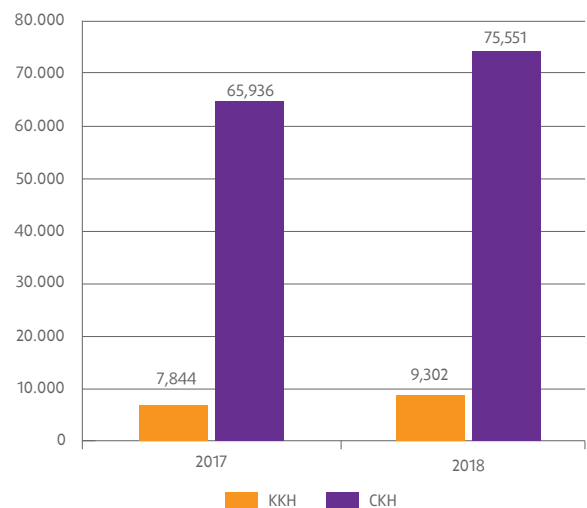
#### 3.1 Hoạt động huy động vốn

Huy động thị trường 1 tại 31/12/2018 đạt 84.853 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2017. Trong đó tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng đạt 14.552 tỷ đồng, chiếm 17,15% huy động thị trường 1. Huy động bằng ngoại tệ đạt 9.302 tỷ đồng, tăng 1.458 tỷ đồng (18,6%) so cuối năm trước, chiếm 11% trên huy động thị trường 1. Đặc biệt, trong năm 2018 TPBank duy trì một định hướng huy động hiệu quả và định vị TPBank là một ngân hàng hoạt động an toàn với mức lãi suất huy động các kỳ hạn chỉ ở tầm trung của thị trường.

TPBank đã triển khai thêm các sản phẩm mới phong phú đáp ứng đa dạng các nhu cầu ngày một phát triển của khách hàng. Huy động tăng trưởng theo đúng định hướng, phù hợp với nhu cầu vốn của ngân hàng. Các sản phẩm huy động đã tập trung đa dạng hóa danh mục sản phẩm tiết kiệm nhằm đáp ứng các nhu cầu vĩ mô của ngân hàng đồng thời thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng.



Biểu 2: Cơ cấu huy động theo kỳ hạn



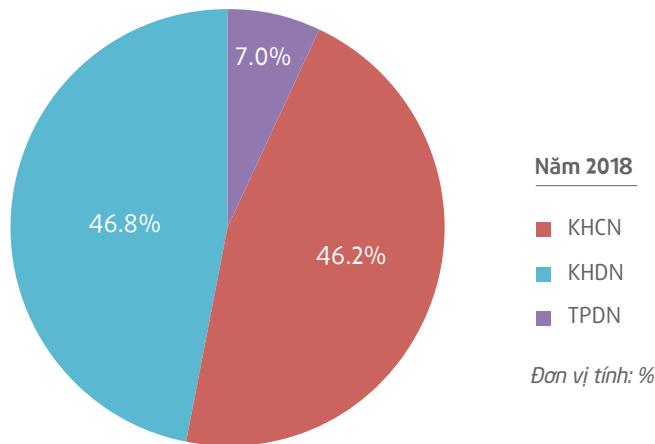
Biểu 3: Cơ cấu huy động theo loại tiền

## 3.2 Hoạt động sử dụng vốn

### 3.2.1 Hoạt động tín dụng

Chính sách tín dụng được TPBank xây dựng bám sát hoạt động tín dụng theo định hướng chiến lược của ngân hàng đã phát huy tác dụng trong việc cải thiện quy trình cấp tín dụng và thẩm định tài sản tại TPBank trong thời gian qua.

Dư nợ tín dụng thị trường 1 đến cuối năm 2018 toàn hàng đạt 84.329 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay khách hàng đạt 78.458 tỷ đồng, trái phiếu doanh nghiệp đạt 5.871 tỷ đồng.



Biểu 4: Hoạt động cho vay

Đối với phân khúc Khách hàng Cá nhân, ngoài việc tiếp tục phát triển vững mạnh các lĩnh vực cho vay chủ đạo, các Khối kinh doanh đã nắm bắt được những cơ hội trên thị trường để tăng trưởng dư nợ ngay từ đầu năm 2018 nhằm gia tăng lợi nhuận và thị phần cho ngân hàng. Cho vay khách hàng cá nhân tăng 51% so với năm 2017, cho thấy những nỗ lực cũng như năng lực của đội ngũ bán hàng, tính hiệu quả các sản phẩm vay đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Margin cho vay tăng 0,3% đến các điều chỉnh chủ động về giá đóng góp đáng kể vào tăng trưởng thu thuần từ lãi vay tạo thêm NII cho ngân hàng.

Đối với phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp dư nợ tăng nhẹ ở mức 3% so với năm 2017. Một số sản phẩm đã và đang triển khai thành công như: sản phẩm cho vay mua xe ô tô KHDN.

sản phẩm cho vay nhanh... ngày càng thu hút được nhiều khách hàng mới, doanh số giải ngân tăng; sản phẩm tài trợ trọn gói ngành xây lắp đã tạo điều kiện thuận lợi cho ĐVKD tiếp cận và cấp tín dụng cho các doanh nghiệp trong ngành này...Phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp trong năm ghi dấu ấn với sản phẩm mới là sản phẩm cho vay tín chấp khách hàng doanh nghiệp, là sản phẩm cạnh tranh, đáp ứng đúng nhu cầu khách hàng.

Bên cạnh đó, phân khúc Khách hàng doanh nghiệp còn đẩy mạnh hoạt động thu nhập ngoài lãi, tập trung xây mới và cải tiến rất nhiều sản phẩm, trong đó có một số sản phẩm chủ đạo như Bảo lãnh, Cam kết thu xếp tài chính, LC/LC UPAS,... được đánh giá là cạnh tranh tốt trên thị trường.

Những nỗ lực trong việc xử lý nợ xấu tồn đọng và tăng trưởng tín dụng có chất lượng tốt đã giúp cho chất lượng tín dụng tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng chỉ ở mức 0,82% còn nếu bao gồm cả nợ xấu kéo theo do phân loại lại theo nhóm nợ cao nhất của khách hàng tại ngân hàng khác thì cũng chỉ ở mức 1,1% tại thời điểm 31/12/2018, thấp hơn nhiều so với trung bình ngành.

### 3.2.2 Hoạt động đầu tư, kinh doanh ngoại tệ và vàng

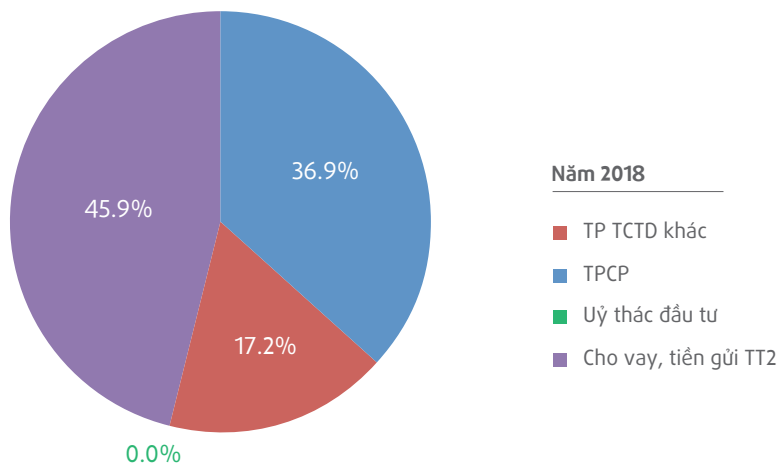
Danh mục đầu tư của TPBank tiếp tục được quản lý theo hướng đảm bảo khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản và tuân thủ đúng quy định của NHNN.

Tính đến 31/12/2018, tổng đầu tư vào TPCP và trái phiếu các TCTD khác đạt 19.257 đồng, nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản của ngân hàng, cũng như đa dạng hóa cơ cấu danh mục đầu tư.

Năm 2018, thị trường Trái phiếu Chính Phủ sau khi giảm mạnh đầu năm đã bước vào chu kỳ tăng lãi suất trung hạn, TPBank đã tận dụng thời cơ ngắn hạn để bán lượng lớn Trái phiếu ra thị trường trước khi sóng tăng bắt đầu. Ngoài TPCP, TPBank cũng không ngừng nỗ lực tìm kiếm các Giấy tờ có giá khác mang lại khả năng sinh lời cao trên cơ sở quản trị rủi ro hiệu quả. Hoạt động kinh doanh Trái phiếu Chính phủ năm 2018

vẫn được đánh giá là kênh sinh lời và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đã đề ra. TPBank tiếp tục được Bộ Tài chính công nhận là nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ năm 2019 trong số 12 ngân hàng đủ điều kiện (cắt giảm 07 thành viên so với 2018).

Hoạt động ngoại hối cho khách hàng doanh nghiệp, dịch vụ cá nhân khởi sắc, mạng lưới khách hàng mở rộng, doanh số tăng mạnh. Năm 2018 mảng kinh doanh này mang lại lợi nhuận cho ngân hàng trên 81,3 tỷ đồng.



Biểu 5: Cơ cấu đầu tư năm 2018

### 3.2.3 Hoạt động định chế tài chính (FI)

Về quan hệ đối tác - hạn mức: Trong năm 2018, FI mở rộng nhiều hạn mức và quan hệ với các ĐCTC (Định chế Tài chính) trong nước và nước ngoài, đem lại lợi nhuận đáng kể và đảm bảo thanh khoản cho ngân hàng.

Về hoạt động tài trợ thương mại với các ngân hàng đối tác: Tích cực triển khai các sản phẩm tài trợ thương mại với các ngân hàng đối tác, đặc biệt là sản phẩm UPAS đã góp phần tăng mạnh mảng thu phí dịch vụ, tăng thu nhập ngoài lãi cho NH. Trên cơ sở đó, TPBank đã được nhận giải thưởng danh giá Best SME deal của ADB. Đây cũng là bước tiến của TPBank trong tài trợ thương mại khi TPBank lần đầu tiên đóng vai trò là Ngân hàng xác nhận (Confirming bank).

Năm 2018, TPBank đã được Moody's nâng mức xếp hạng tín nhiệm lên 3 lần với nhiều chỉ tiêu đánh giá quan trọng, mức xếp hạng tín nhiệm cơ sở BCA của TPBank từ mức B2 lên mức B1.

### 3.3 Hoạt động quản lý rủi ro

Năm 2018, hệ thống quản trị rủi ro của TPBank được đẩy mạnh, tỷ lệ nợ xấu được duy trì theo kế hoạch và thấp hơn nhiều so với mức cho phép của Ngân hàng Nhà nước, không phát sinh các tổn thất vận hành và sự kiện rủi ro tiềm tàng, các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động được duy trì và được cải thiện một cách tích cực.

Một số nội dung cơ bản đã được triển khai liên quan đến nâng cao năng lực quản trị rủi ro vận hành như: thực hiện tốt các công việc để tuân thủ Basel II, Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN với các cấu phần quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, quản lý rủi ro tín dụng định chế tài chính, rủi ro đối tác và rủi ro tín dụng với các khoản có tài sản bảo đảm là cổ phiếu; Tăng cường chất lượng cảnh báo sớm rủi ro tín dụng thông qua việc rà soát định kỳ các hồ sơ tín dụng, thực hiện cảnh báo, hỗ trợ đơn vị kinh doanh lên phương án xử lý kịp thời, giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng.

TPBank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về đảm bảo an toàn vốn của NHNN và cam kết với các đối tác nước ngoài, cụ thể theo yêu cầu của Thông tư số: 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 “Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu luôn được duy trì ở mức trên 9%, Tỷ lệ giữa tổng tài sản có thanh toán ngay và tổng nợ phải trả luôn được duy trì ở mức trên 10% (quy định của NHNN không dưới 10%), tỷ lệ thanh toán trong 30 ngày tiếp theo của từng loại tiền luôn duy trì trên 50% đối với VND; trên 10% đối với ngoại tệ quy đổi sang VND theo đúng quy định của NHNN, Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn luôn được duy trì ở mức nhỏ hơn 45% (quy định của NHNN không vượt 45% vào cuối năm 2018), tại 31/12/2018, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của TPBank là 33%. Tại thời điểm 31/12/2018, các tỷ lệ này như sau: Tỷ lệ dự trữ thanh khoản 15,82%; Tỷ lệ thanh toán trong 30 ngày tiếp theo đối với VND là 173,88%;

### 3.4 Hoạt động của các Khối, đơn vị hỗ trợ

#### 3.4.1 Công tác nhân sự và đào tạo:

Tổng số CBNV của toàn hệ thống tới 31/12/2018 là 4.985 người, tăng gần 3% so với cuối năm 2017, chủ yếu là tăng do mở mới các chi nhánh tại một số địa bàn trọng điểm.

TPBank xây dựng cơ chế thúc đẩy năng suất cho các đơn vị hỗ trợ, giúp kiểm soát tốt định biên nhân sự và tăng năng suất bình quân trên 50% so với năm 2017 tại các đơn vị này, qua đó tiết kiệm được chi phí đáng kể. Tiếp tục rà soát và điều chỉnh định biên nhân sự tại các đơn vị kinh doanh đảm bảo định biên nhân sự sát với yêu cầu thực tế hoạt động.

Trong năm 2018 đã thực hiện 598 khóa đào tạo với 14.284 lượt CBNV, tăng 8,53% số lượng khóa đào tạo so với năm 2017 là 551 khóa. Đặc biệt năm 2018 ngân hàng xây dựng chương trình và triển khai hình thức đào tạo trực tuyến E-learning rút ngắn thời gian tập trung cán bộ đào tạo, tăng khối lượng học viên.

#### 3.4.2 Lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT):

Năm 2018, Khối CNTT tập trung hỗ trợ phát triển kinh doanh thông qua các dự án sản phẩm mới, tiếp tục nâng cấp hạ tầng đáp ứng việc tăng trưởng nhanh. Triển khai thành công dự án Ngân hàng số trên cơ sở ứng dụng những giải pháp và kinh nghiệm thành công của những công ty hàng đầu trên thế giới. Cụ thể:

- Quy hoạch mở rộng hệ thống hạ tầng đặc biệt là hệ thống lưu trữ đáp ứng yêu cầu kinh doanh. Triển khai thành công dự án nâng cấp hạ tầng, active cho hệ thống thẻ, quy hoạch lại chuẩn kết nối các hệ thống phần mềm.
- Tiếp tục cải tiến và tự động hóa vận hành tăng năng xuất cho các đơn vị và gia tăng công tác giám sát hệ thống. Sử dụng công cụ hỗ trợ tự động hóa việc nhập dữ liệu từ FCC sang LOS, tự động hóa một số công đoạn cho các nghiệp vụ vận hành, như kiểm soát sau, thanh toán, đối chiếu tra soát...Sử dụng công cụ cảnh báo tự động trong giám sát hệ thống và một số nghiệp vụ trong vận hành.
- Tiếp tục triển khai dự án ESB phase 2 nhằm chuyển toàn bộ việc tích hợp ứng dụng sang ESB. Hoàn thành kế hoạch chuyển đổi ESB năm 2018 theo đó hầu hết các interface quan trọng đã được đưa lên ESB bằng nguồn lực nội bộ.
- Triển khai dự án API, nhằm tích hợp các ứng dụng bên ngoài theo xu hướng công nghệ mới.
- Triển khai thành công dự án Datawarehouse giai đoạn 2 và đưa vào sử dụng chính thức, ngoài việc khai thác hơn 100 báo cáo, đã chuẩn hóa tất cả các nguồn dữ liệu hiện có đạt mục tiêu ban đầu đề ra.
- Triển khai website sử dụng công nghệ mới đáp ứng yêu cầu về bảo mật và khả năng chịu tải cao.
- Quản lý truy cập mạng nội bộ NAC và tập trung Internet toàn hàng giúp kiểm soát được thiết bị gắn vào hệ thống, tự động cô lập, ngăn chặn truy cập hệ thống với những thiết bị lạ, thiết bị có lây nhiễm mã độc.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ nội bộ thông qua việc áp dụng ITIL và ISO 20.000. TPBank tập trung giảm tỷ lệ lỗi với các dịch vụ thẻ eBank là một ưu tiên hàng đầu.
- Triển khai nhiều dự án khác hỗ trợ việc phát triển sản phẩm mới và kết nối giao dịch với nhiều đối tác.

#### 3.4.3 Phát triển sản phẩm, khách hàng

Năm 2018, ngân hàng tiếp tục triển khai nhiều chương trình, sản phẩm dịch vụ đa dạng, phục vụ cho các phân khúc khách hàng khác nhau:

##### **Khách hàng cá nhân:**

Ngày càng nhiều ngân hàng tham gia và đầu tư phát triển mạnh cho kinh doanh ở phân khúc khách hàng cá nhân, sự cạnh tranh trên thị trường gia tăng, sự khác biệt về sản phẩm không nhiều và bị đẩy dồn về cạnh tranh giá, dịch vụ. Ngân hàng đẩy mạnh công tác xây dựng sản phẩm nhằm nâng cao thu nhập thuần về phí thay cho việc tập trung vào việc tăng trưởng tín dụng như các năm trước đây. Các sản phẩm số được phát triển và mở rộng như QuickPay, Savy và các sản phẩm dịch vụ trên LiveBank. Các hoạt động phát triển digital banking từ các ứng dụng, sản phẩm và dịch vụ từ nâng cấp eBank v9, ra mắt sản phẩm tiết kiệm qua app Savy, mở rộng app QuickPay và T'IAO. Mở rộng mạng



lưới LiveBank và triển khai thêm nhiều chức năng, dịch vụ trên Livebank, đến nay ngân hàng đã có gần 100 điểm Livebank trên toàn quốc.

Ngoài ra ngân hàng còn chú trọng đến các sản phẩm đáp ứng nhu cầu về bảo vệ tài chính (các loại sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ) và nhu cầu về đầu tư (sản phẩm trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chuyển tiền định cư). Đồng thời, ngân hàng cũng mở rộng danh mục sản phẩm nhằm tăng tính dễ tiếp cận và phát triển phân khúc khách hàng mới giàu tiềm năng.

### **Khách hàng doanh nghiệp:**

Bám sát nhu cầu của khách hàng, ngân hàng đã ban hành hàng loạt các sản phẩm cơ bản, cốt lõi, mang tính cạnh tranh.

Đối với mảng ngân hàng điện tử dành cho doanh nghiệp (eBank), TPBank không ngừng cải tiến sản phẩm eBank phù hợp với khách hàng theo từng phân khúc khác nhau từ quy mô nhỏ và vừa tới quy mô lớn. Đẩy mạnh việc kết nối giữa các hệ thống eBank của ngân hàng với hệ thống kế toán doanh nghiệp giúp cho doanh nghiệp thực hiện giao dịch nhanh chóng và tiện lợi. Những tính năng trên eBank cũng ngày càng đa dạng đổi mới giúp cho doanh nghiệp hoàn toàn chủ động trong việc quản lý tài chính như chuyển tiền quốc tế, gửi hồ sơ giao dịch trực tiếp qua eBank mà không phải tới ngân hàng.

### **3.4.4 Phát triển mạng lưới:**

Tính đến 31/12/2018, tổng số máy ATM+ đã hoạt động trên toàn quốc là 86 máy, mạng lưới chi nhánh của TPBank phủ khắp cả 3 miền với 75 điểm giao dịch. Các địa điểm hoạt động của ngân hàng đặt tại các khu vực tập trung, đông dân cư với nhận diện nổi bật và hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

## **4. CÁC HẠN CHẾ, TỒN TẠI CẦN KHẮC PHỤC:**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các hoạt động của TPBank năm 2018 vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục và cải thiện, cụ thể:

### **4.1 Đối với hoạt động kinh doanh:**

- Nguồn thu nhập hoạt động đã được cải thiện tăng tỷ trọng thu dịch vụ về phí, tuy nhiên nguồn thu này chưa được đa dạng, vẫn phụ thuộc thu nhập lãi thuần, tỷ trọng thu ngoài lãi chưa cao.
- Mạng lưới các điểm giao dịch và tập khách hàng cần được mở rộng hơn nữa để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của ngân hàng trong thời gian tới.
- Chi phí hoạt động quản lý năm 2018 đã được cải thiện nhưng vẫn còn cao, cần tiếp tục cải thiện tích cực.

### **4.2 Công tác nhân sự:**

- Cần tiếp tục tập trung cải thiện chỉ tiêu về hiệu quả, đặc biệt năng suất của đội ngũ cán bộ Hỗ trợ
- Cải tiến quy trình vận hành và tăng tốc độ xử lý, hạn chế các rủi ro và sai sót khi vận hành hệ thống với quy mô nhân sự lớn.

#### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành;
- Lưu: VP; TC





NGÂN HÀNG SỐ  
**SÁNG TẠO NHẤT**  
VIỆT NAM

**4 NĂM LIÊN TIẾP**  
2014 | 2015 | 2016 | 2017

GLOBAL FINANCIAL  
MARKET REVIEW

THE ASIAN BANKER  
VIETNAM COUNTRY AWARDS 2016

BEST INTERNET BANKING PRODUCT

 **TPBank**  
*Vi chúng tôi hiểu bạn*

**TỰ HÀO ĐÓN NHẬN**  
**HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG**





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**2018**



## THÔNG TIN CHUNG

### NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 5 tháng 5 năm 2008 theo Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (“NHNN”); Giấy phép thành lập của ngân hàng được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 393/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 3 năm 2019 của Thống đốc NHNN. Thời hạn hoạt động của ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng được đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 vào ngày 13 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng ở Việt Nam bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, kinh doanh vàng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

#### Trụ sở và mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tòa nhà TPBank, 57 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, ba mươi lăm (35) chi nhánh, bốn mươi (40) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước, trong đó có bốn (04) chi nhánh và năm (05) phòng giao dịch đã được NHNN cấp Giấy phép thành lập và đang chuẩn bị hoạt động (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, ba mươi (30) chi nhánh, ba mươi tư (34) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày hết nhiệm kỳ
Ông Đỗ Minh Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Ông Đỗ Anh Tú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Ông Shuzo Shikata	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Ông Phạm Công Tú	Thành viên	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Bà Đỗ Thị Nhung	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Ông Eiichiro So	Thành viên	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Ông Phan Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2013-2018 theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 12/04/2013 và Nghị quyết số 10/2013/NQ-TPB.HĐQT ngày 12/04/2013 Hết nhiệm kỳ theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018
Ông Kento Tokimori	Thành viên	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2013-2018 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-TPB.DHĐCĐ ngày 21/04/2017 Hết nhiệm kỳ theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 20/04/2018

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày hết nhiệm kỳ
Bà Nguyễn Thị Bảo	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Quyết định số 12/2018/QĐ-TPB. BKS ngày 20/04/2018
Ông Thái Duy Nghĩa	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Quyết định số 12/2018/QĐ-TPB. BKS ngày 20/04/2018
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên không chuyên trách	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2018-2023 theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018 và Quyết định số 12/2018/QĐ-TPB. BKS ngày 20/04/2018
Ông Tomohiro Yamaguchi	Thành viên	Bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2013-2018 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017 Hết nhiệm kỳ theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018

## BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Điều hành và Kế toán trưởng của ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/07/2012. Tái bổ nhiệm ngày 03/10/2017
Ông Phạm Đông Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/04/2011. Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2017
Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2012. Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2017
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/03/2011. Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2017
Ông Lê Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/03/2012. Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2017
Ông Khúc Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2012. Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2017
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/12/2018
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2014. Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2017 Từ nhiệm ngày 01/11/2018
Ông Đinh Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/04/2016
Bà Lê Cẩm Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 26/04/2013

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là ông Đỗ Minh Phú, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hưng - Tổng Giám đốc được ông Đỗ Minh Phú ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo văn bản ủy quyền số 111/2012/QĐ-TPB. HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2012.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (“ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành của ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



**Ông Nguyễn Hưng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 3 năm 2019





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2018 triệu đồng</i>	<i>31/12/2017 triệu đồng</i>
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>2</b>	<b>1.332.025</b>	<b>1.176.978</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>3</b>	<b>4.692.735</b>	<b>2.364.130</b>
<b>Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác</b>	<b>4</b>	<b>16.340.793</b>	<b>22.589.779</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác		15.680.793	22.189.779
Cấp tín dụng cho các TCTD khác		660.000	400.000
Dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác		-	-
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>76.295.237</b>	<b>62.747.997</b>
Cho vay khách hàng	5	77.185.148	63.422.643
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(889.911)	(674.646)
<b>Hoạt động mua nợ</b>	<b>6</b>	<b>1.265.452</b>	<b>580.054</b>
Mua nợ		1.273.714	584.605
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(8.262)	(4.551)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>7</b>	<b>24.899.523</b>	<b>25.465.002</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		24.641.343	24.938.137
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		801.215	994.187
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(543.035)	(467.322)
<b>Tài sản cố định</b>		<b>300.052</b>	<b>250.772</b>
Tài sản cố định hữu hình		202.863	174.892
Nguyên giá tài sản cố định		441.079	355.912
Khấu hao tài sản cố định		(238.216)	(181.020)
Tài sản cố định vô hình		97.189	75.880

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2018 triệu đồng</i>	<i>31/12/2017 triệu đồng</i>
Nguyên giá tài sản cố định		212.497	162.708
Hao mòn tài sản cố định		(115.308)	(86.828)
<b>Tài sản cố khác</b>		<b>11.053.586</b>	<b>8.944.035</b>
Các khoản phải thu		8.029.724	6.469.536
Các khoản lãi, phí phải thu		1.339.091	1.271.770
Tài sản cố khác		1.684.771	1.239.829
Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bảng khác		-	(37.100)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>136.179.403</b>	<b>124.118.747</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Thuyết minh	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	8	4.752.198	1.082.224
Tiền gửi và vay các TCTD khác	9	33.491.419	40.757.187
Tiền gửi của các TCTD khác		18.653.620	27.758.930
Vay các TCTD khác		14.837.799	12.998.257
Tiền gửi của khách hàng	10	76.138.062	70.298.586
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		108.589	84.351
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	11	247.228	132.484
Phát hành giấy tờ có giá	12	8.715.178	3.481.154
Các khoản nợ khác		2.105.044	1.606.044
Các khoản lãi, phí phải trả		1.341.405	1.134.311
Các khoản phải trả và công nợ khác		763.639	471.733
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>125.557.718</b>	<b>117.442.030</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn và các quỹ		10.621.685	6.676.717
Vốn		8.510.485	5.552.176
- Vốn điều lệ		8.565.892	5.842.105
- Thặng dư vốn cổ phần		76	(234.446)
- Cổ phiếu quỹ		(55.483)	(55.483)
Quỹ của TCTD		305.473	160.932
Lợi nhuận chưa phân phối		1.805.727	963.609
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	13	<b>10.621.685</b>	<b>6.676.717</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>136.179.403</b>	<b>124.118.747</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
1. Bảo lãnh vay vốn		59.068	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		52.094.936	55.350.107
2.1. Cam kết mua ngoại tệ		4.213.903	438.336
2.2. Cam kết bán ngoại tệ		4.215.408	440.045
2.3. Cam kết giao dịch hoán đổi		43.665.625	54.471.726
3. Cam kết trong nghiệp vụ LC		1.629.153	886.466
4. Bảo lãnh khác		10.575.376	7.321.529
5. Các cam kết khác		2.395.066	3.262.748
		<b>66.753.599</b>	<b>66.820.850</b>

Người lập

**Bà Ngô Thị Ánh Tuyết**  
Người lập

Hà Nội, Việt Nam,  
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người kiểm soát

**Bà Lê Cẩm Tú**  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



**Ông Nguyễn Hưng**  
Tổng Giám đốc

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2018 triệu đồng</i>	<i>2017 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	15	9.373.839	7.324.605
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	16	(4.996.062)	(4.152.181)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>4.377.777</b>	<b>3.172.424</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		864.711	280.878
Chi phí hoạt động dịch vụ		(188.526)	(115.815)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>17</b>	<b>676.185</b>	<b>165.063</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>18</b>	<b>81.310</b>	<b>10.248</b>
<b>Lãi thuần từ chứng khoán đầu tư</b>	<b>19</b>	<b>351.959</b>	<b>222.633</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		149.270	45.421
Chi phí hoạt động khác		(9.701)	(6.063)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>20</b>	<b>139.569</b>	<b>39.358</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>5.626.800</b>	<b>3.609.726</b>
Chi phí cho nhân viên		(1.509.599)	(961.525)
Chi phí khấu hao		(88.818)	(65.897)
Chi phí hoạt động khác		(1.248.271)	(914.181)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>21</b>	<b>(2.846.688)</b>	<b>(1.941.603)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>2.780.112</b>	<b>1.668.123</b>

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Thuyết minh	2018 triệu đồng	2017 triệu đồng
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(522.332)	(462.412)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>2.257.780</b>	<b>1.205.711</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(452.542)	(242.102)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>		<b>(452.542)</b>	<b>(242.102)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>1.805.238</b>	<b>963.609</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	14	2.911	1.717

Người lập

**Bà Ngô Thị Ánh Tuyết**  
Người lập

Hà Nội, Việt Nam,  
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người kiểm soát

**Bà Lê Cẩm Tú**  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



**Ông Nguyễn Hưng**  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2018 triệu đồng</i>	<i>Năm 2017 triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		9.290.018	7.374.063
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(4.802.055)	(3.837.594)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		676.185	165.063
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		498.102	149.875
Thu nhập khác		109.126	36.012
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		30.974	2.900
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(2.791.495)	(1.837.127)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(221.070)	(186.425)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>2.789.785</b>	<b>1.866.767</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
Giảm các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác		540.000	1.969.999
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(41.316)	682.746
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	29.149
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(14.345.037)	(16.656.015)
Sử dụng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(244.333)	(922.656)
Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động		109.109	(617.484)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		<b>6.071.797</b>	<b>15.357.110</b>
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		3.669.974	(418.058)
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(8.867.974)	(1.525.483)
Tăng tiền gửi của khách hàng		5.839.476	15.216.558
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		5.247.024	2.918.154
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		114.744	(1.079.440)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		24.238	84.351
Tăng khác về công nợ hoạt động		44.315	161.028
<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(5.119.995)</b>	<b>1.709.616</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định		(231.538)	(165.949)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		297	462



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Thuyết minh	Năm 2018 triệu đồng	Năm 2017 triệu đồng
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(828)	(16)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(232.069)</b>	<b>(165.503)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		2.190.389	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	563.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(13.000)	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(50.659)	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	31.647
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>2.126.730</b>	<b>594.647</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(3.225.334)</b>	<b>2.138.760</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>		<b>24.430.887</b>	<b>22.292.127</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm</b>	22	<b>21.205.553</b>	<b>24.430.887</b>
<b>CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM</b>			
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại		533.474	-

**Người lập**



**Bà Ngô Thị Ánh Tuyết**  
Người lập

Hà Nội, Việt Nam,  
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

**Người kiểm soát**



**Bà Lê Cẩm Tú**  
Kế toán trưởng

**Người phê duyệt**



**Ông Nguyễn Hưng**  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 5 tháng 5 năm 2008 theo Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN của Thống đốc ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (“NHNN”); Giấy phép thành lập của ngân hàng được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 393/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 3 năm 2019 của Thống đốc NHNN. Thời hạn hoạt động của ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ngân hàng được đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 vào ngày 13 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, kinh doanh vàng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN Việt Nam cho phép.

#### Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8.565.892 triệu đồng (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.842.105 triệu đồng)

#### Mạng lưới Hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tòa nhà TPBank, 57 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, ba mươi lăm (35) chi nhánh, bốn mươi (40) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước, trong đó có bốn (04) chi nhánh và năm (05) phòng giao dịch đã được NHNN cấp Giấy phép thành lập và đang chuẩn bị hoạt động (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, ba mươi (30) chi nhánh, ba mươi tư (34) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

#### Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.985 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.848 người).

### 2. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	453.581	412.491
Tiền mặt bằng ngoại tệ	621.300	499.954
Vàng	257.144	264.533
	<b>1.332.025</b>	<b>1.176.978</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Tiền gửi tại NHNN		
- Bằng VND	4.243.446	2.039.389
- Bằng ngoại tệ	449.289	324.741
	<b>4.692.735</b>	<b>2.364.130</b>

### 4. TIỀN GỬI VÀ CẤP TÍN DỤNG CHO CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	15.680.793	22.189.779
Cấp tín dụng cho các TCTD khác	660.000	400.000
	<b>16.340.793</b>	<b>22.589.779</b>

#### 4.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	<b>8.348.565</b>	<b>9.925.204</b>
- Bằng VND	7.196.714	9.358.585
- Bằng ngoại tệ	1.151.851	566.619
Tiền gửi có kỳ hạn	<b>7.332.228</b>	<b>12.264.575</b>
- Bằng VND	6.465.500	11.390.000
- Bằng ngoại tệ	866.728	874.575
	<b>15.680.793</b>	<b>22.189.779</b>

#### 4.2 Cấp tín dụng cho các TCTD khác

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Bằng VND	660.000	400.000

#### 4.3. Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
<b>Nợ đủ tiêu chuẩn</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác	7.332.228	12.264.575
- Cấp tín dụng cho các TCTD khác	660.000	400.000
	<b>7.992.228</b>	<b>12.664.575</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CHO VAY KHÁCH HÀNG**

	<i>31/12/2018</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2017</i> <i>triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	75.298.193	61.269.200
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	385.639	847.712
Các khoản trả thay khách hàng	2.161	-
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	113.632	49.387
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	1.385.523	1.250.769
Nợ tổn động không có tài sản đảm bảo và không còn đối tượng thu hồi nợ	-	5.575
	<b>77.185.148</b>	<b>63.422.643</b>

**5.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay**

	<i>31/12/2018</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2017</i> <i>triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	74.732.049	61.626.561
Nợ cần chú ý	1.591.765	1.101.526
Nợ dưới tiêu chuẩn	295.942	254.740
Nợ nghi ngờ	242.441	153.408
Nợ có khả năng mất vốn	322.951	280.833
Nợ tổn động không có tài sản đảm bảo và không còn đối tượng thu nợ	-	5.575
	<b>77.185.148</b>	<b>63.422.643</b>

**5.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc**

	<i>31/12/2018</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2017</i> <i>triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	17.367.653	18.703.802
Nợ trung hạn	24.545.522	21.098.417
Nợ dài hạn	35.271.973	23.620.424
	<b>77.185.148</b>	<b>63.422.643</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 6. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Mua nợ bằng VND	779.234	-
Mua nợ bằng ngoại tệ	494.480	584.605
Dự phòng rủi ro	(8.262)	(4.551)
	<b>1.265.452</b>	<b>580.054</b>

### 7. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>24.641.343</b>	<b>24.938.137</b>
Chứng khoán nợ	24.326.174	24.622.968
Chứng khoán vốn	315.169	315.169
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>801.215</b>	<b>994.187</b>
Trái phiếu VAMC	756.515	949.487
Trái phiếu DATC	44.700	44.700
	<b>25.442.558</b>	<b>25.932.324</b>
<b>Dự phòng chứng khoán đầu tư</b>	<b>(543.035)</b>	<b>(467.322)</b>
Dự phòng chứng khoán sẵn sàng để bán	(179.659)	(135.049)
Dự phòng chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(363.376)	(332.273)
- Dự phòng trái phiếu VAMC	(363.041)	(331.938)
- Dự phòng trái phiếu DATC	(335)	(335)
	<b>24.899.523</b>	<b>25.465.002</b>

#### 7.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>24.326.174</b>	<b>24.622.968</b>
Trái phiếu Chính phủ	13.120.203	10.984.557
Chứng khoán Nợ của các TCTD khác trong nước	5.186.615	5.793.942

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Chứng khoán nợ của các TCKT trong nước	5.069.356	6.294.469
Chứng chỉ tiền gửi	950.000	1.550.000
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>315.169</b>	<b>315.169</b>
Chứng khoán Vốn do các TCTD trong nước phát hành	315.169	315.169
	<b>24.641.343</b>	<b>24.938.137</b>
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>(179.659)</b>	<b>(135.049)</b>
Dự phòng chung	(65.829)	(85.647)
Dự phòng giảm giá	(113.830)	(49.402)

### 7.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

#### 7.2.1. Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	756.515	949.487
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(363.041)	(331.938)
	<b>393.474</b>	<b>617.549</b>

#### 7.2.2. Trái phiếu DATC

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu DATC	44.700	44.700
Dự phòng chung trái phiếu DATC	(335)	(335)
	<b>44.365</b>	<b>44.365</b>

## 8. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
<b>Vay NHNN</b>		
- Vay theo gói hồ sơ tín dụng	954.560	1.082.224
- Vay cầm cố các giấy tờ có giá	3.797.638	-
	<b>4.752.198</b>	<b>1.082.224</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
<b>Tiền gửi của các TCTD khác</b>	<b>18.653.620</b>	<b>27.758.930</b>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	7.091.360	9.015.263
- Bằng VND	7.091.360	9.015.263
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	11.562.260	18.743.667
- Bằng VND	11.098.500	17.970.004
- Bằng ngoại tệ	463.760	773.663
<b>Vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>14.837.799</b>	<b>12.998.257</b>
- Bằng VND	5.096.402	4.448.000
- Bằng ngoại tệ	6.256.768	4.674.759
- Vay chiết khấu GTCG	3.484.629	3.875.498
	<b>33.491.419</b>	<b>40.757.187</b>

### 10. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
<b>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</b>	<b>13.825.712</b>	<b>11.409.904</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	12.517.098	10.549.220
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.308.614	860.684
<b>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</b>	<b>61.575.281</b>	<b>58.468.271</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	53.665.823	51.559.381
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	7.909.458	6.908.890
<b>Tiền gửi vốn chuyên dụng</b>	<b>32.720</b>	<b>16.594</b>
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	10.107	22
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	22.613	16.572
<b>Tiền ký quỹ</b>	<b>704.349</b>	<b>403.817</b>
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	642.956	346.079
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	61.393	57.738
	<b>76.138.062</b>	<b>70.298.586</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân trong nước khác bằng VND	247.228	132.484

### 12. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Giấy tờ có giá bằng VND		
Mệnh giá	8.715.178	3.481.154

Chi tiết kỳ hạn của các giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm cuối năm như sau:

	Trái phiếu ghi sổ triệu đồng	Chứng chỉ tiền gửi triệu đồng	Tổng triệu đồng
Đến 12 tháng			
- Bằng VND	1.000.000	2.500.000	3.500.000
Từ 12 tháng đến 5 năm			
- Bằng VND	2.300.000	1.314.006	3.614.006
Trên 5 năm			
- Bằng VND	550.000	1.051.172	1.601.172
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.850.000</b>	<b>4.865.178</b>	<b>8.715.178</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Tình hình thay đổi vốn của ngân hàng trong năm 2018 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	Vốn điều lệ triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần triệu đồng	Cổ phiếu quỹ triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng	Quỹ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối triệu đồng	Tổng số triệu đồng
<b>Số đầu năm</b>	<b>5.842.105</b>	<b>(234.446)</b>	<b>(55.483)</b>	<b>113.248</b>	<b>47.684</b>	<b>963.609</b>	<b>6.676.717</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.805.238	1.805.238
Trích quỹ trong năm và bù đắp thặng dư vốn cổ phần (*)	-	234.446	-	96.361	48.180	(378.987)	-
Trả cổ tức ưu đãi từ ngày 24 tháng 8 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (**)	-	-	-	-	-	(33.672)	(33.672)
Chi thường Ủy ban Điều hành (*)	-	-	-	-	-	(16.987)	(16.987)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	876.316	1.314.073	-	-	-	-	2.190.389
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017	533.474	-	-	-	-	(533.474)	-
Trả cổ phiếu thưởng để thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (**)	1.313.997	(1.313.997)	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.565.892</b>	<b>76</b>	<b>(55.483)</b>	<b>209.609</b>	<b>95.864</b>	<b>1.805.727</b>	<b>10.621.685</b>

(\*) Trích quỹ trong năm, trả cổ tức ưu đãi và chi thường Ủy ban Điều hành được thực hiện theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03/2018/NQ-TPB.ĐHĐCD ngày 20 tháng 4 năm 2018.

(\*\*) Ngân hàng trả cổ phiếu thưởng để thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHĐCD nhiệm kỳ 2018-2023 số 03/2018/NQ-TPB-ĐHĐCD ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết HĐQT số 18/2018/NQ-TPB.HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2018.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết cổ phiếu của ngân hàng như sau:

	31/12/2018 cổ phiếu	31/12/2017 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	856.589.206	584.210.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	856.589.206	555.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (*)	-	29.210.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	(6.016.056)	(6.016.056)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	850.573.150	578.194.444
- Cổ phiếu phổ thông	850.573.150	548.983.944
- Cổ phiếu ưu đãi	-	29.210.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng

(\*) Ngân hàng thực hiện chuyển đổi 29.210.500 cổ phiếu ưu đãi cổ tức phát hành cho công ty Tài chính Quốc tế ("IFC") thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ chuyển đổi 1:1 (01 cổ phiếu ưu đãi cổ tức được chuyển đổi thành 01 cổ phiếu phổ thông). Giá trị chuyển đổi mỗi cổ phiếu phổ thông bằng với mệnh giá của mỗi cổ phiếu ưu đãi cổ tức được chuyển đổi tương ứng (10.000 đồng/cổ phiếu) đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 03/2018/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

## 14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của ngân hàng như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
<b>Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)</b>	<b>1.805.238</b>	<b>963.609</b>
Cổ tức chi trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (triệu đồng)	(7.414)	(24.829)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)</b>	<b>1.797.824</b>	<b>938.780</b>
Số cổ phiếu đầu năm (cổ phiếu)	548.983.944	545.983.944
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (cổ phiếu)	87.631.575	-
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi cổ tức thành cổ phiếu phổ thông trong năm (cổ phiếu)	29.210.500	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng và cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu)	184.747.131	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ bán ra trong năm	-	3.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sau ảnh hưởng (cổ phiếu)	617.670.494	546.608.602
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)</b>	<b>2.911</b>	<b>1.717</b>

## 15. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	<i>Năm 2018 triệu đồng</i>	<i>Năm 2017 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	327.830	555.120
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	6.449.812	4.232.256
Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	2.032.818	2.253.126
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	152.099	98.082
Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	70.300	51.176
Thu khác từ hoạt động tín dụng	340.980	134.845
	<b>9.373.839</b>	<b>7.324.605</b>

## 16. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	<i>Năm 2018 triệu đồng</i>	<i>Năm 2017 triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	3.987.784	3.417.894
Trả lãi tiền vay	453.756	585.881
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	351.672	30.086
Chi phí hoạt động tín dụng khác	202.850	118.320
	<b>4.996.062</b>	<b>4.152.181</b>

## 17. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	<i>Năm 2018 triệu đồng</i>	<i>Năm 2017 triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>864.711</b>	<b>280.878</b>
Thu từ dịch vụ thanh toán	268.234	125.677

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thu từ dịch vụ ngân quỹ	5.289	3.955
Thu từ dịch vụ tư vấn	4.830	3.753
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	371.708	25.784
Thu khác	214.650	121.709
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>(188.526)</b>	<b>(115.815)</b>
Buu điện, viễn thông	(26.144)	(18.708)
Chi về dịch vụ thanh toán	(131.499)	(83.043)
Chi về ngân quỹ	(18.185)	(4.180)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(1.288)	(1.071)
Chi khác	(11.410)	(8.813)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>676.185</b>	<b>165.063</b>

## 18. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>Năm 2018 triệu đồng</i>	<i>Năm 2017 triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>702.643</b>	<b>550.988</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	213.573	236.810
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	489.070	314.178
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>(621.333)</b>	<b>(540.740)</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	(119.569)	(213.674)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(501.764)	(327.066)
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>81.310</b>	<b>10.248</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. LÃI THUẦN TỪ CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2018 triệu đồng	Năm 2017 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	418.482	225.838
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(21.913)	(3.479)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(44.610)	274
<b>Lãi thuần từ chứng khoán đầu tư</b>	<b>351.959</b>	<b>222.633</b>

### 20. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2018 triệu đồng	Năm 2017 triệu đồng
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>149.270</b>	<b>45.421</b>
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	30.974	2.900
Thu từ tất toán trước hạn trái phiếu VAMC	113.776	776
Thu từ thanh lý tài sản	297	462
Thu nhập khác	4.223	41.283
<b>Chi phí hoạt động khác</b>	<b>(9.701)</b>	<b>(6.063)</b>
Chi phí thanh lý tài sản	(828)	(16)
Chi phí khác	(8.873)	(6.047)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>139.569</b>	<b>39.358</b>

### 21. TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2018 triệu đồng	Năm 2017 triệu đồng
<b>Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí</b>	<b>652</b>	<b>470</b>
<b>Chi phí cho nhân viên</b>	<b>1.509.599</b>	<b>961.525</b>
- Chi lương và phụ cấp	1.384.634	864.502
- Chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động	5.169	6.513
- Các khoản chi đóng góp theo lương	68.642	50.133
- Chi trợ cấp	9.848	6.675
- Các khoản chi khác	41.306	33.702
<b>Chi về tài sản</b>	<b>352.708</b>	<b>284.843</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trong đó:		
- Khấu hao tài sản cố định	88.818	65.897
- Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	28.652	25.342
- Mua sắm công cụ lao động	56.043	50.157
- Chi bảo hiểm tài sản	3.286	1.725
- Chi khác về tài sản	175.909	141.722
<b>Chi cho hoạt động quản lý công vụ</b>	<b>909.609</b>	<b>624.136</b>
Trong đó:		
- Công tác phí	13.503	9.205
- Chi về hoạt động đoàn thể	8.194	4.745
- Vật liệu văn phòng, xăng dầu	55.810	39.308
- Điện, nước, vệ sinh cơ quan	36.201	27.603
- Chi bưu phí và điện thoại	33.409	24.908
- Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	88.394	63.499
- Chế xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại	378.162	229.874
- Chi đào tạo, huấn luyện	2.404	2.105
- Chi phí quản lý khác	293.532	222.889
<b>Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng</b>	<b>52.745</b>	<b>42.809</b>
<b>Chi phí dự phòng rủi ro khác</b>	<b>21.375</b>	<b>27.820</b>
	<b>2.846.688</b>	<b>1.941.603</b>

## 22. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuận thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	31/12/2018 triệu đồng	31/12/2017 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.332.025	1.176.978
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.692.735	2.364.130
Tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn	8.348.565	9.925.204
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 90 ngày	6.832.228	10.964.575
	<b>21.205.553</b>	<b>24.430.887</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm 2018 triệu đồng	Năm 2017 triệu đồng
<b>I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)</b>	<b>4.880</b>	<b>4.318</b>
<b>II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên</b>		
Tổng quỹ lương và thưởng	1.401.599	961.525
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>1.401.599</b>	<b>961.525</b>
Thu nhập bình quân tháng	23,93	18,56

### 24. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀ VÀNG VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ

	31/12/2018 VNĐ	31/12/2017 VNĐ
USD	23.188	22.425
RUB	331	414
GBP	29.357	30.589
JPY	208,08	201,48
HKD	2.993	2.909
AUD	16.346	17.661
SGD	16.939	16.960
CAD	17.019	18.031
EUR	26.633	27.166
XAU	3.651.000	3.657.000
CNY	3.409	3.490
THB	713,55	698,20
CHF	23.336	23.268
KRW	20,61	21,26
NZD	15.582	16.136

Người lập

**Bà Ngô Thị Ánh Tuyết**  
Người lập

Hà Nội, Việt Nam,  
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người kiểm soát

**Bà Lê Cẩm Tú**  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



**Ông Nguyễn Hưng**  
Tổng Giám đốc







BÁO CÁO  
QUẢN TRỊ

2018

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2018

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KÍNH GỬI: CÁC ỦY VIÊN HĐQT

### I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2018

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt với tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 12/2018 tăng 0,41% so với tháng trước; giảm 0,41% so với cùng kỳ năm 2017; bình quân năm 2018 tăng 2,36% so với năm 2017. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2018 giảm 0,07% so với tháng trước và tăng 2,69% so với cùng kỳ năm 2017; bình quân năm 2018 tăng 1,29% so với năm 2017.

CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017, bình quân mỗi tháng tăng 0,25%.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 ước tính tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong việc Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2018.

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Trong năm 2018, HĐQT TPBank, đại diện là Ủy ban Điều hành (EXCO) đã thực hiện xuất sắc vai trò quản trị ngân hàng, đưa TPBank đạt những thành tựu vượt trội:

#### 1. Giám sát hoạt động điều hành:

EXCO đã giám sát hoạt động điều hành đối với Tổng Giám đốc (TGD), Ban Điều hành (BDH) TPBank thông qua các cuộc họp giao ban thường xuyên hàng tháng, hàng quý, các cuộc họp đột xuất, phi tập trung, lấy ý kiến bằng văn bản khi có các vấn đề quan trọng phát sinh. Thông qua các cuộc họp này, EXCO hỗ trợ BDH xác định các vướng mắc, trở ngại trong hoạt động kinh doanh, kịp thời tháo gỡ và định hướng, chuyển dịch khi cần thiết. Các cuộc họp tập trung thảo luận những vấn đề then chốt, tác động lớn đến hoạt động ngân hàng, đưa ra những giải pháp quyết liệt để thúc đẩy kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ và bảo đảm hệ thống tuân thủ hiệu quả. Thông qua các cuộc họp này, EXCO cũng nhấn mạnh việc tăng cường trách nhiệm, vai trò cá nhân của từng thành viên BDH, trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc liên tục hoàn thiện các kỹ năng lãnh đạo, năng lực chuyên môn và khả năng quy hoạch tổ chức của các thành viên BDH, coi đó là yếu tố cốt lõi đưa TPBank hoàn thiện hệ sinh thái tài chính để vươn tầm cả về quy mô và lợi nhuận.

Bên cạnh đó, EXCO tham gia đầy đủ và sâu sát vào hoạt động các Ủy ban trực thuộc HĐQT, luôn đưa ra các chỉ đạo kịp thời, đúng đắn.

Thông qua Ủy ban ALCO, EXCO chỉ đạo chính sách giá của ngân hàng phù hợp, linh hoạt với tình hình thị trường, hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng và đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các tổ chức quốc tế. Trong năm 2018, hệ thống FTP mới được ban hành, bổ sung các cấu phần quan trọng của chi phí vốn như chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu, chi phí sử dụng nguồn vốn dài hạn, chi phí thanh khoản.

Trong hoạt động của Ủy ban Tín dụng (UBTD), EXCO đã chỉ đạo lựa chọn kỹ lưỡng danh mục các khoản vay/trái phiếu đầu tư cũng như rà soát lại danh mục hiện có của ngân hàng nhằm cơ cấu lại danh mục có mức sinh lời cao hơn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn.

Với Ủy ban Quản lý Rủi ro (QLRR), EXCO đã chỉ đạo thực hiện tốt các công việc để tuân thủ các quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại Việt Nam cũng như hướng tới tuân thủ các thông lệ quốc tế; chỉ đạo và giám sát Tiểu ban chỉ số hoạt động hiệu quả, đảm bảo việc TPBank quản lý tốt bộ chỉ tiêu tài chính đồng thời được các tổ chức uy tín thế giới đánh giá cao.

Đối với Ủy ban Đầu tư (UBĐT), EXCO luôn chỉ đạo rà soát, đánh giá lại các danh mục đầu tư hiện tại, chú trọng vào các danh mục đầu tư có chất lượng, hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển của TPBank.

Với Ủy ban Nhân sự (UBNS), EXCO chỉ đạo rà soát, củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các Khối, Đơn vị trong ngân hàng theo hướng tinh gọn, hiệu quả; áp dụng hiệu quả các cơ chế nâng cao năng suất lao động; quy hoạch cán bộ đảm bảo nhân sự cho toàn bộ hệ thống; tăng chỉ số lợi nhuận bình quân trên lao động.

## **2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc rà soát, sửa đổi, bổ sung một số quy định về cơ cấu, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban, Hội đồng, các đơn vị liên quan và hệ thống văn bản nội bộ cho phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các TCTD, quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM và chuẩn mực quản trị rủi ro theo Basel II:**

- Rà soát, trình Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ TPBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS), Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

- Rà soát và sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban, Hội đồng theo hướng các Ủy ban tham mưu, giúp việc cho HĐQT và các Hội đồng tham mưu, giúp việc cho TGD, đồng thời, đảm bảo nguyên tắc các thành viên HĐQT không xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của TGD, cụ thể:

+ Sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của UBNS, Ủy ban QLRR, thành lập Ủy Ban SALCo, Ủy ban Giám sát tín dụng đầu tư (GSTDDT) cấp cao để thực hiện chức năng, tham mưu cho HĐQT trong việc giám sát cấp cao theo quy định của Thông tư 13.

+ Sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của một số Hội đồng đã có (Hội đồng ALCo, Hội đồng QLRR), thành lập Hội đồng TDDT cấp cao (thực hiện phê duyệt các khoản cấp tín dụng và đầu tư thuộc thẩm quyền của UBTD trước đây), Hội đồng Quản lý vốn (thay thế cho Tiểu ban chỉ số).

- Thành lập Trung tâm kiểm soát tuân thủ (KSTT) trực thuộc BDH (hoạt động từ 1/1/2019) trên cơ sở tách chức năng, nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ từ kiểm toán nội bộ (KTNB) trực thuộc BKS để đảm bảo tính độc lập của KTNB trực thuộc BKS và Bộ phận Tuân thủ thực hiện nhiệm vụ GSTT thuộc BDH.

- Ban hành mới Chính sách QLRR và Quy chế QLRR đối với các rủi ro trọng yếu (Rủi ro tín dụng, Rủi ro thị trường, Rủi ro hoạt động, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro tập trung, Rủi ro lãi suất trên sổ).

- Đang khẩn trương hoàn thiện các công việc để thực hiện sớm các quy định về tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (Hiệu lực thi hành theo quy định của NHNN từ 01/1/2020, TPBank đăng ký với NHNN sẽ thực hiện từ đầu năm 2019).

## **3. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển TPBank giai đoạn 2018-2022 và tầm nhìn đến năm 2030:**

EXCO đã chỉ đạo các Khối có liên quan xây dựng và hoàn thiện Chiến lược phát triển Ngân hàng giai đoạn 2018 - 2022 và tầm nhìn đến năm 2030. Qua đó, xác định các mục tiêu trọng tâm, định hướng phát triển ngân hàng trong thời gian tới.

## **III. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2018:**

Thông qua việc giám sát điều hành sát sao, kịp thời và hiệu quả, trong năm 2018, EXCO đã đưa TPBank đến những thành tựu to lớn:

- Trong năm 2018, TPBank đã thành công trong việc niêm yết cổ phiếu TPB trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) theo Nghị quyết

ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra đúng tiến độ vào ngày 19/04/2018. Hoạt động này đã giúp nâng cao vị thế của TPBank trên thị trường tài chính ngân hàng, tăng tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tài chính.

- Ngày 20/04/2018, TPBank tổ chức thành công ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2018 - 2023. Tại phiên họp, ĐHĐCĐ đã thống nhất bầu ra các thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ mới 2018 - 2023 nhằm ổn định, tăng cường hơn nữa về chất cho bộ máy nhân sự cấp cao của Ngân hàng.

- Năm 2018, TPBank là một trong số ít các ngân hàng thương mại được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ 2 lần. Tháng 7 năm 2018, TPBank hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ lần 1 năm 2018 bằng hình thức phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài với tỷ lệ 15%. Tiếp theo đó trong tháng 12 năm 2018, TPBank tiếp tục hoàn thiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn. Qua đó giúp nâng vốn điều lệ của TPBank lên 8,566 tỷ đồng theo đúng lộ trình đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Ngay sau khi hoàn tất các đợt tăng vốn, EXCO đã thực hiện thủ tục báo cáo NHNN, Ủy ban chứng khoán (UBCK) kết quả tăng vốn đồng thời điều chỉnh nội dung vốn điều lệ trên Giấy phép hoạt động, Giấy phép đăng ký kinh doanh và Điều lệ của ngân hàng.

- Sau khi được HĐQT phê duyệt thông qua chủ trương tìm kiếm, mua lại công ty tài chính, EXCO đã nhanh chóng chỉ đạo tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn Công ty cổ phần tài chính Handico (Hafic) để tiến hành mua lại, dự kiến trong năm 2019 TPBank sẽ ra mắt Công ty con hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, thực hiện chiến lược phát triển hoạt động ngân hàng sang lĩnh vực tài chính tiêu dùng, hướng tới mục tiêu trở thành một trong 5 ngân hàng bán lẻ hàng đầu trong số các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

- Với những thành tựu vượt bậc nêu trên, TPBank liên tục được các tổ chức quốc tế xếp hạng và đánh giá cao. Ngày 30/10/2018, hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's đã đưa ra công bố chính thức về việc nâng mức xếp hạng tín nhiệm cơ sở BCA của TPBank từ mức B2 lên mức B1. BCA là mức xếp hạng phản ánh sức mạnh nội tại của một tổ chức tài chính và được xem là chỉ số quan trọng nhất trong các chỉ tiêu xếp hạng của Moody's. Việc TPBank được nâng mức xếp hạng BCA lên mức B1 cho thấy sức mạnh nội tại của ngân hàng đã được cải thiện rõ rệt trong thời gian gần đây. Bên cạnh đó, TPBank được xếp vào Top 100 ngân hàng bán lẻ mạnh nhất châu Á Thái Bình Dương; TPBank nhận nhiều giải thưởng danh giá từ IFC và ADB trong lĩnh vực tài trợ thương mại; Nhận 3 giải thưởng quốc tế uy tín về mảng ngân hàng số; Nhận giải thưởng ngân hàng SME phát triển nhanh nhất tại Việt Nam do Tạp chí Global Banking and Finance Review bình chọn...

- Tại Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập, TPBank đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba của Nhà nước và Bằng khen của UBND TP.Hà Nội vì những thành tựu vượt bậc và những đóng góp tích cực cho ngành, qua đó tiếp tục khẳng định mục tiêu trở thành một tổ chức tài chính minh bạch, hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và khách hàng, vươn lên đứng trong hàng ngũ 5 ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam.

#### IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2018:

Với mục tiêu thách thức đặt ra tại ĐHĐCĐ năm 2018, EXCO đã chỉ đạo BDH tích cực xử lý và điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Theo đó năm 2018, TPBank đã có một năm hoạt động hiệu quả với những kết quả kinh doanh xuất sắc:

**Bảng 1 - Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Kế hoạch 2018	+/- so với cuối năm 2017	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2018
1	Tổng tài sản	136.179	124.119	141.987	12.060	95,91%
2	Vốn điều lệ	8.566	5.842	8.533	2.724	100,39%
3	Tổng huy động	118.592	114.669	126.765	3.923	93,55%
3,1	Tiền gửi khách hàng	84.853	73.780	96.447	11.074	87,98%
3,2	Tiền gửi & vay của TCTD khác	33.491	38.261	27.690	(4.770)	120,95%
3,3	Vốn tài trợ ủy thác	247	2.628	2.628	(2.381)	9,41%
4	Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT	84.329	71.296	85.555	13.033	98,57%

4,1	Cho vay khách hàng	78.459	64.007	74.621	14.452	105,14%
4,2	Đầu tư trái phiếu TCKT	5.871	7.289	10.934	(1.418)	53,69%
5	Tỷ lệ nợ xấu (*)	1,09%	1,08%	<2%	0,01%	
6	Lợi nhuận trước thuế	2.258	1.206	2.200	1.052	102,63%
7	CAR	>10,5%	>9%	>9%	-	-
8	ROE	20,8%	15,6%	20,3%	5,2%	

Ghi chú (\*) Thông tin CIC tại 30/11/2018

- Tổng tài sản của TPBank đến 31/12/2018 đạt 136.2 nghìn tỷ đồng tăng gần 10% so với thời điểm cuối năm 2017. Tổng huy động đạt gần 118.600 tỷ đồng, trong đó cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn cũng có sự thay đổi về chất khi huy động thị trường 1 đạt 84.853 tỷ đồng, tăng 15% so với cuối năm 2017 (tương đương 11.074 tỷ đồng) giúp cho tỷ lệ đi vay và huy động thị trường 2 giảm từ 33% xuống còn 28% tại thời điểm 31/12/2018.

- Hoạt động tín dụng của ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tốt đồng thời vẫn đảm bảo mức tăng trưởng tín dụng được NHNN cho phép, với tổng dư nợ đạt gần 84.329 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng của TPBank được kiểm soát chặt, với mức nợ xấu ở mức trên 1%, thấp hơn nhiều so với quy định của NHNN.

- Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2018 của TPBank đạt 5.627 tỷ đồng trong đó thu nhập lãi thuần đạt 4.378 tỷ đồng, chiếm 77,8%; thu nhập thuần ngoài lãi đạt 1.249 tỷ đồng, chiếm 22,2%. Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng đạt 2.780 tỷ đồng. Trong năm 2018, ngân hàng đã trích lập 522,3 tỷ đồng dự phòng rủi ro trong đó dự phòng cho vay khách hàng 300,4 tỷ đồng (dự phòng chung 105,6 tỷ đồng, dự phòng cụ thể 194,8 tỷ đồng) và 221,9 tỷ đồng dự phòng cho các trái phiếu VAMC.

- Lợi nhuận trước thuế, sau khi trích lập đầy đủ dự phòng, đạt mức 2.258 tỷ đồng, tăng 1.052 tỷ đồng, tương đương tăng 87% so với năm 2017, đồng thời, hoàn thành vượt kế hoạch năm 2018 với tỷ lệ hoàn thành là 102,6%.

## V. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:

### 1. Dự đoán kinh tế vĩ mô năm 2019:

- Bối cảnh quốc tế đang có những diễn biến hết sức khó lường, khó có thể đưa ra những dự báo chính xác về tăng trưởng kinh tế thế giới, qua đó tác động đến kinh tế Việt Nam.

- Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục căng thẳng. Các xung đột thương mại leo thang đẩy giá trị thương mại thế giới xuống thấp, kéo theo sự sụt giảm mạnh trong nền kinh tế toàn cầu.

- Cục Dự trữ liên bang Mỹ dự kiến sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng lãi suất thêm 3 lần nữa trong năm 2019.

- Đồng USD giữ vững sức mạnh hiện tại trong năm 2019.

- Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2019 dự kiến tăng trưởng trong ngưỡng 6.84% - 7.02%. Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7 - 8%; Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33 - 34% GDP.

### 2. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2019:

#### 2.1. Đối với công tác quản trị điều hành và định hướng chiến lược:

- HĐQT (trong đó EXCO đóng vai trò chủ đạo) thường xuyên nắm bắt tình hình để kịp thời định hướng và chỉ đạo sát sao việc TGD/BĐH triển

- HĐQT (trong đó EXCO đóng vai trò chủ đạo) thường xuyên nắm bắt tình hình để kịp thời định hướng và chỉ đạo sát sao việc TGD/BĐH triển khai, tổ chức thực hiện các mục tiêu hoạt động năm 2019 mà HĐQT đã đề ra; Tổ chức thực hiện việc rà soát chiến lược kinh doanh giai đoạn 2018-2022 và tầm nhìn 2030 để xem xét việc chỉnh sửa, bổ sung các nội dung theo yêu cầu của NHNN, xây dựng các giải pháp thực hiện Chiến lược đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua nhằm phấn đấu đưa TPBank trở thành ngân hàng dẫn đầu về Digital Banking và Top 10 ngân hàng về hiệu quả hoạt động trong giai đoạn 2018 - 2022. Đến năm 2030 trở thành Ngân hàng Top 5 ngân hàng TMCP đa năng ở Việt Nam và trở thành tập đoàn tài chính tư nhân hiện đại có độ bao phủ ở các lĩnh vực như ngân hàng, công ty tài chính, bảo hiểm, chứng khoán, dịch vụ trung gian thanh toán, có vị thế trong khu vực và thâm nhập thị trường tài chính quốc tế (ASEAN).

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa công tác quản trị ngân hàng theo các quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế, trong đó đặc biệt quan tâm vai trò giám sát cấp cao của HĐQT trên cơ sở tham mưu, giúp việc của các Ủy ban và việc triển khai công tác quản trị rủi ro đảm bảo tuân thủ Basel II trước thời hạn theo quy định của NHNN, giám sát việc duy trì và bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, kiểm soát nợ xấu, đảm bảo hoạt động lành mạnh và minh bạch.

- Giám sát và quản lý tốt công tác quản lý ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.

- Rà soát và chỉnh sửa chính sách nhân sự cho phù hợp với quy mô và hiệu quả hoạt động của TPBank trong thời gian tới nhằm giữ nhân tài và tuyển dụng được các nhân sự tốt cho các ĐVKD mở mới trong năm 2019.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các Dự án về công nghệ thông tin, hỗ trợ phát triển ngân hàng số.

## 2.2. Đối với hoạt động kinh doanh:

- Theo dõi sát sao tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt là các chính sách điều hành của NHNN nhằm đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, sáng suốt; giám sát, chỉ đạo sát sao BĐH trong hoạt động kinh doanh, ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn đã được xác định như: Đẩy mạnh tài trợ các công ty, đơn vị ứng dụng công nghệ cao; Tập trung lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng ưu tiên đồng thời cũng là những lĩnh vực TPBank có ưu thế cạnh tranh nổi trội so với các ngân hàng khác.

- Chỉ đạo linh hoạt trong công tác tín dụng trong bối cảnh room tín dụng bị hạn chế, thúc đẩy tăng trưởng CASA, chủ động hơn trong việc sử dụng nguồn vốn giá rẻ, tiết kiệm chi phí huy động vốn. Chú trọng phát triển khách hàng, gia tăng lượng khách hàng active và coi TPBank là ngân hàng chính. Bên cạnh đó, cần chỉ đạo triển khai và phát triển các sản phẩm tài chính tiêu dùng, phát triển các tiện ích đi kèm nhằm gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Phát triển sản phẩm ngân hàng giao dịch, LC, bảo lãnh, sản phẩm tài trợ thương mại và các sản phẩm ngoại hối nhằm gia tăng thu nhập từ phí lãi.

- Tiếp tục kiên định với định hướng trở thành ngân hàng hàng đầu về phát triển và ứng dụng công nghệ, chỉ đạo tập trung triển khai xây dựng các sản phẩm mũi nhọn trên nền tảng công nghệ hiện đại nhất trong hệ sinh thái tài chính của TPBank, nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

**Bảng 2 - Kế hoạch kinh doanh đến cuối năm 2019**  
(Ngân hàng riêng lẻ)

*DVT: Tỷ đồng, %*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (Số liệu chưa kiểm toán)	Kế hoạch 2019	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	136.179	152.362	112%
2	Vốn điều lệ	8.566	10.070	118%
3	Tổng huy động	118.592	134.114	113%
3.1	Tiền gửi khách hàng	84.854	99.949	118%
3.2	Tiền gửi & vay của TCTD khác	33.491	34.164	102%
3.3	Vốn tài trợ ủy thác	247	-	-

4	Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT	84.329	96.978	115%
4.1	Cho vay khách hàng	78.458	93.770	120%
4.2	Đầu tư trái phiếu TCKT	5.871	3.208	55%
5	Tỷ lệ nợ xấu	1,09%	<2%	-
6	Lợi nhuận trước thuế	2.258	3.200	142%
7	CAR	>10,5%	>9%	-
8	ROE	20,84%	21,46%	

Ghi chú:

(1) Kế hoạch dư nợ cho vay và đầu tư TPDN là 96.978 tỷ đồng, cần phải được NHNN chấp thuận.

(2) Tỷ lệ nợ xấu tạm tính theo thông tin CIC tại thời điểm 30/11/20018.

(3) Lợi nhuận trước thuế 3.200 tỷ đồng là lợi nhuận ngân hàng riêng lẻ, chưa hợp nhất. TPBank dự kiến mua lại một công ty tài chính, khi đó TPBank sẽ điều chỉnh lại số liệu theo báo cáo hợp nhất.

(4) Ngân hàng sẽ thực hiện mua lại toàn bộ/ 1 phần trái phiếu VAMC tùy theo số vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế để xử lý tối thiểu được 500 tỷ nợ xấu đã bán cho VAMC.

Như vậy, với kế hoạch đã đề ra, năm 2019 TPBank sẽ đạt quy mô tổng tài sản hơn 152 nghìn tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất 3.200 tỷ đồng; Tỷ lệ nợ xấu trong tầm kiểm soát và dưới 2%; Các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được đảm bảo, thanh khoản luôn tốt.

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2018 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2018, quy mô tổ chức và hoạt động của TPBank tiếp tục được phát triển. Ban Kiểm soát đã tích cực thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, góp phần cùng toàn hệ thống TPBank hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được ĐHCĐ thông qua.

## I. HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

**1.** Giám sát HĐQT, BDH trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ về quản trị, điều hành ngân hàng; tham gia ý kiến xây dựng chiến lược kinh doanh, định hướng quản trị rủi ro và việc triển khai các nghị quyết, chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước; góp ý kiến tại các cuộc họp giao ban Ban điều hành, Liên khối Giám sát và giao ban toàn hàng.

**2.** Triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD và Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về Hệ thống KSNB, BKS đã xây dựng, ban hành mới Quy định tổ chức và hoạt động của BKS; Quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm KTNB. Hệ thống kiểm soát nội bộ đã được thiết lập 03 tuyến bảo vệ độc lập. Xây dựng cơ chế phối hợp với HĐQT, TGD và các đơn vị chuyên môn. Bộ máy KTNB được kiện toàn và đã đi vào hoạt động.

**3.** Chỉ đạo KTNB xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm toán:

- Tham gia kiểm toán, soát xét các biên bản, báo cáo kiểm toán. Thường xuyên đánh giá và chỉ đạo KTNB nâng cao chất lượng kiểm toán.
- Thẩm định BCTC và soát xét thực hiện các tỷ lệ an toàn, giới hạn rủi ro trong hoạt động ngân hàng.
- Hoàn thành kế hoạch kiểm toán trực tiếp và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của EXCO, BKS và Tổng Giám đốc. Công tác giám sát từ xa được thực hiện thường xuyên, liên tục với các chỉ tiêu giám sát được cập nhật.
- Đôn đốc khắc phục sau thanh tra, kiểm toán và phối hợp với các đơn vị giám sát trong việc đánh giá, chấm điểm tuân thủ và tư vấn chế tài xử lý các vi phạm.
- Duy trì bản tin Cảnh báo tuân thủ định kỳ với các lưu ý về công tác điều hành và kiểm soát.
- Cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước.

**4.** Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch KTNB năm 2019 trên cơ sở rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ của tuyến bảo vệ độc lập thứ ba đối với Hệ thống KSNB với các nhiệm vụ trọng tâm.

**5.** Cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của TPBank.

**6.** BKS duy trì 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách, đáp ứng đủ cơ cấu theo quy định. Năm 2018, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thông qua các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Các thành viên BKS đã tích cực thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

## II- KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

### 1. GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BKS đã tổ chức giám sát tình hình tài chính và thẩm định BCTC định kỳ. BCTC do BDH lập và được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán, đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của TPBank cho các giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày đóng sổ.



## 2. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

- HĐQT đã kịp thời định hướng với những chuyển đổi quan trọng về công tác quản trị, điều hành hoạt động, bảo đảm thực thi các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với chính sách, quy định của cơ quan quản lý Nhà nước cũng như diễn biến thị trường tài chính, tiền tệ.
- HĐQT, TGD đã ban hành các văn bản mới có liên quan đến công tác quản trị, giám sát rủi ro, HTKSNB và EXCO đã chỉ đạo quyết liệt BDH triển khai thực hiện để bảo đảm tuân thủ đầy đủ Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- Phương án tái cơ cấu ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020 cũng được EXCO chỉ đạo, giám sát BDH thực hiện đạt kết quả. Qua đó, nâng cao công tác kiểm soát, chất lượng tài sản, đặc biệt là chất lượng tín dụng, giảm nợ xấu, tăng cường các biện pháp thu hồi các khoản nợ quá hạn, nợ xấu. TPBank đã tăng vốn và cải thiện chất lượng nguồn vốn tự có, kiểm soát tốt tăng trưởng tín dụng gắn với cơ cấu tín dụng, chuyển đổi mô hình kinh doanh từ lệ thuộc hoạt động tín dụng sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ và nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tính minh bạch trong hoạt động.
- Năm 2018, TPBank được đánh giá là một năm hoạt động hiệu quả, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. Các chỉ tiêu an toàn hoạt động luôn được tuân thủ theo quy định của NHNN.
- Mạng lưới của TPBank tiếp tục được mở rộng, phát triển. Nguồn nhân sự khá ổn định với chất lượng ngày một cải thiện.
- Lĩnh vực công nghệ thông tin tiếp tục được nâng cấp hạ tầng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh. Triển khai thành công dự án Ngân hàng số trên cơ sở ứng dụng những giải pháp và kinh nghiệm thành công của những công ty hàng đầu trên thế giới.
- Hoạt động quản lý rủi ro của TPBank tiếp tục được tăng cường. Nội dung cơ bản liên quan đến nâng cao năng lực quản trị rủi ro vận hành theo Basel II, Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN với các cấu phần quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, quản lý rủi ro tín dụng định chế tài chính, rủi ro đối tác và rủi ro tín dụng... được đáp ứng. Tăng cường chất lượng cảnh báo sớm rủi ro tín dụng thông qua việc rà soát các chính sách, sản phẩm, hạn mức, tiêu chí tín dụng, xếp hạng tín dụng nội bộ.
- Các chương trình truyền thông, gắn kết thương hiệu, quảng bá hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tiếp tục mang lại kết quả tích cực. Năng lực cạnh tranh, vị thế của Ngân hàng được cải thiện.
- EXCO đã chỉ đạo xây dựng Chiến lược TPBank 2018-2022, Tầm nhìn 2030 trên bình diện tổng thể, với các giải pháp toàn diện và chỉ đạo BDH xây dựng kế hoạch hành động cụ thể.
- Năm 2018, TPBank tiếp tục được Moody's nâng mức xếp hạng lên B1, trong đó đáng chú ý là chỉ số sức mạnh nội tại BCA của ngân hàng. Các tổ chức tài chính, xếp hạng quốc tế vinh danh, trao giải thưởng cho TPBank về lĩnh vực Bán lẻ, Ngân hàng số và Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế.

## 3. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Về môi trường kiểm soát:
  - Mô hình tổ chức của ngân hàng được thiết lập, vận hành đầy đủ với 3 tuyến bảo vệ độc lập;
  - Hệ thống chính sách, quy định nội bộ được ban hành đầy đủ, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và quản lý rủi ro.
- Hệ thống QTRR và các chốt kiểm soát:
  - Bộ máy QTRR được thiết lập đồng bộ. Ủy ban QLRR đã tham mưu cho HĐQT quản lý các rủi ro ngân hàng, từ chiến lược, chính sách và cơ chế giám sát BDH trong việc thực hiện;
  - Hoạt động của bộ phận QLRR tín dụng, QLRR thị trường và QLRR vận hành được tăng cường và nâng cao chất lượng, góp phần nhận diện, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro;
  - Cơ chế hạn mức, phân cấp ủy quyền thường xuyên được đánh giá, điều chỉnh;

- Các chốt kiểm soát trong quy trình nghiệp vụ được thiết lập và thường xuyên được soát xét tính hiệu lực, phòng ngừa rủi ro gian lận;

- Hệ thống thông tin về tài chính, hoạt động, tuân thủ được tăng cường đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành. Hệ thống CNTT được tăng cường giám sát, bảo vệ hợp lý và áp dụng các cơ chế quản lý dự phòng độc lập, bảo đảm HĐKD thường xuyên, liên tục.

#### **4. CƠ CHẾ PHỐI HỢP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH**

- HĐQT, BDH, BKS đã tích cực phối hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của BKS;
- Có cơ chế cung cấp thông tin rõ ràng, minh bạch;
- Các kiến nghị của BKS được ghi nhận đầy đủ và cơ bản được HĐQT, BDH tiếp thu, bổ sung chỉnh sửa phù hợp.

#### **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019**

- 1.** Giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng.
- 2.** Chỉ đạo KTNB xây dựng, thực hiện lộ trình Phát triển chiến lược của KTNB trên cơ sở Chiến lược phát triển TPBank.
- 3.** Định hướng hoạt động KTNB theo các nhiệm vụ trọng tâm và chỉ đạo KTNB hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2019.
- 4.** Thẩm định BCTC định kỳ và giám sát tình hình tài chính ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, người điều hành và sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông;
- 5.** Kiểm toán việc triển khai và báo cáo thực hiện Phương án Cơ cấu lại ngân hàng theo yêu cầu của NHNN.
- 6.** Triển khai quy trình KTNB về kiểm tra, đánh giá độc lập việc tuân thủ và sự phù hợp của cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về giám sát quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của HĐQT, Tổng Giám đốc, cá nhân, bộ phận liên quan theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Đánh giá việc thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN.
- 7.** Tăng cường cơ chế phối hợp của BKS với các đơn vị liên quan và thường xuyên tư vấn HĐQT, BDH trong việc cải thiện môi trường kiểm soát, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị, quản lý rủi ro và tuân thủ (GRC) nhằm mang lại lợi ích và tăng cường vị thế, lợi thế cạnh tranh cho ngân hàng.
- 8.** Phối hợp tuyển dụng, đào tạo nâng cao kỹ thuật kiểm toán trên cơ sở rủi ro và ứng dụng công nghệ, công cụ kiểm toán kiểm toán mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả KTNB.





**KẾ HOẠCH  
KINH DOANH**

**2019**

# KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

Kết quả hoạt động năm 2018 của TPBank được đánh giá tốt với tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính bám sát và vượt kế hoạch đã đề ra, đồng thời luôn tuân thủ các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Tiếp tục thực hiện chiến lược đến năm 2020 theo lộ trình đã đề ra, năm 2019 là năm then chốt với mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả, phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam, TPBank ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn đã được xác định như: Đẩy mạnh tài trợ các công ty, đơn vị ứng dụng công nghệ cao; Tập trung lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đây là lĩnh vực TPBank có ưu thế cạnh tranh nổi trội so với các ngân hàng khác, đặc biệt với mục tiêu trở thành Ngân hàng Số (Digital Bank) hàng đầu Việt Nam.

Bên cạnh việc thực hiện các mục tiêu trên, TPBank tiếp tục củng cố các yếu tố nền tảng như: Hệ thống quản trị rủi ro; Hệ thống thông tin quản trị, hạ tầng công nghệ; Kiện toàn bộ máy tổ chức và tăng cường nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động toàn ngân hàng hướng tới nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ và nhận diện thương hiệu.

Với định hướng và mục tiêu xuyên suốt, Ban điều hành TPBank xin được đề xuất Kế hoạch kinh doanh năm 2019 và các chương trình hành động, giải pháp thực hiện nhằm đạt được các kế hoạch đã đề ra nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý điều hành và khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

## 1. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2019

Các mục tiêu tài chính cụ thể năm 2019 như sau:

Bảng 2: Kế hoạch kinh doanh đến cuối năm 2019

DVT: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Kế hoạch 2019	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	136.179	158.000	116,02%
2	Vốn điều lệ	8.566	10.000	116,74%
3	Tổng huy động	118.591	142.309	120,00%
3.1	Tiền gửi khách hàng	84.853	102.790	121,14%
3.2	Tiền gửi & vay của TCTD khác	33.491	39.519	118,00%
3.3	Vốn tài trợ ủy thác	247	-	-
4	Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT	84.329	101.195	120,00%
4.1	Cho vay khách hàng	78.458	95.030	121,12%
4.2	Đầu tư trái phiếu TCKT	5.871	6.165	105,00%
5	Tỷ lệ nợ xấu	1,10%	<1,5%	-
6	Lợi nhuận trước thuế	2.258	3.200	141,72%
7	CAR	10,24%	>9%	-
8	ROE	20,87%	20,87%	-

Ghi chú:

(1) Kế hoạch dư nợ cho vay và đầu tư TPDN là 101.195 tỷ đồng, cần phải được NHNN chấp thuận

(2) Lợi nhuận trước thuế 3.200 tỷ đồng là lợi nhuận Ngân hàng riêng lẻ, chưa hợp nhất. TPBank dự kiến mua lại một công ty tài chính, khi đó TPBank sẽ điều chỉnh lại số liệu theo báo cáo hợp nhất.

(3) Ngân hàng sẽ thực hiện mua lại toàn bộ/ 1 phần trái phiếu VAMC tùy theo số vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Như vậy, với kế hoạch đã đề ra, năm 2019 TPBank sẽ đạt quy mô tổng tài gần 158 nghìn tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế ngân hàng riêng lẻ 3.200 tỷ đồng; Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới mức 1,5%; Các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được đảm bảo, thanh khoản luôn tốt.

## 2. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 2.1 Về chiến lược kinh doanh

#### 2.1.1 Đối với phân khúc khách hàng cá nhân

##### Về thị trường

- Năm 2019 tiếp tục là một năm đầy tiềm năng cho thị trường phân khúc khách hàng cá nhân, các hoạt động kinh doanh ngân hàng bán lẻ được diễn ra trong một môi trường thuận lợi và nhiều cơ hội.

##### Đối tượng khách hàng

- Thiết lập từng bộ sản phẩm cụ thể cho từng phân khúc khách hàng cụ thể. Đẩy mạnh bán chéo ngay từ khi khách hàng bắt đầu quan hệ - sử dụng sản phẩm tại TPBank.
- Tiếp tục phát triển và tìm giải pháp đột phá cho tệp khách hàng tài khoản. Tiếp tục tìm kiếm đối tác tiềm năng để phối hợp khai thác phát triển nhanh mạnh hơn số lượng khách hàng mới.

##### Sản phẩm, dịch vụ

- Ưu tiên phát triển các sản phẩm cho vay tín chấp, sản phẩm thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ quốc tế hướng đến tệp khách hàng có mục tiêu số lượng lớn.
- Tiếp tục đa dạng hóa và hoàn thiện các chính sách khuyến khích bán sản phẩm Bancassurance, trong đó tập trung vào Bảo hiểm nhân thọ.
- Triển khai các sản phẩm ngân hàng Số mới hướng đến những nhóm khách hàng mục tiêu cụ thể có nhu cầu về tiết kiệm, thanh toán, tài trợ vốn siêu vi mô...
- Triển khai các mô hình kinh doanh mới thông qua khai thác các kênh kinh doanh như Live Bank, Mobile App, hợp tác đối tác. Chú trọng phát triển các đội bán hàng chuyên cho các sản phẩm chính, lực lượng bán theo phương thức Digital sales.

#### 2.1.2 Đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp

##### Thị trường và khách hàng

- Tiếp tục đẩy mạnh các ngành đã là thế mạnh của ngân hàng trong năm 2018.
- Với các ngành rủi ro cao thực hiện rà soát và kiểm soát chặt việc tăng trưởng dư nợ. Chỉ tăng vào đúng các khách hàng mục tiêu được lựa chọn để hạn chế rủi ro.
- Với các dự án cần chọn lọc dựa trên việc đánh giá thật kỹ các chủ đầu tư và tính khả thi của dự án.

##### Sản phẩm, dịch vụ

- Đẩy mạnh cho vay sản phẩm tín chấp kết hợp với giám sát danh mục khách hàng để đảm bảo kiểm soát tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu.
- Liên tục rà soát, cải tiến sản phẩm và thúc đẩy bán Thẻ tín dụng doanh nghiệp.
- Ưu tiên tăng trưởng số lượng khách hàng và doanh số thanh toán quốc tế. Các sản phẩm ưu tiên bao gồm: Chuyển tiền quốc tế TTR, mở và thanh toán L/C nhập khẩu, UPAS L/C.
- Đơn giản hóa giao dịch trên ebank, mở rộng kết nối đối tác. Mục tiêu tăng số lượng khách hàng sử dụng ebank doanh nghiệp.
- Xây dựng sản phẩm và chuẩn hóa quy định về ký quỹ để thu hút tiền gửi thanh toán và tiền gửi ký quỹ.

#### 2.1.3 Hoạt động nguồn vốn và quản lý vốn thanh khoản, hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ

- Tiếp tục cân đối nguồn vốn và cho vay liên ngân hàng, đảm bảo thanh khoản toàn hàng và tuân thủ đúng các tỷ lệ quy định của NHNN (dữ trữ bắt buộc, tỷ lệ thanh khoản,...) trên cơ sở tối đa nguồn huy động và hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo doanh số và mục tiêu kinh doanh nguồn vốn đã được giao.
- Giữ vững và phát triển quan hệ giao dịch với các định chế hiện tại và một số định chế tài chính, ngân hàng mới, phục vụ cho việc duy trì và mở rộng hoạt động tại Thị trường 2.
- Theo dõi xu hướng lãi suất, CPI và các yếu tố vĩ mô khác để tìm kiếm cơ hội đầu tư.

- Xây dựng danh mục Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi lãi suất tốt đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.
- Tham gia, đóng góp tích cực cho hoạt động phát triển thị trường, xây dựng các tiêu chí chuẩn thị trường như đường cong lãi suất chuẩn ngắn hạn.
- Tích cực tham gia thị trường ngoại hối để trở thành top 10 các ngân hàng hoạt động trên thị trường ngoại hối, tham gia có hiệu quả trên thị trường ngoại hối quốc tế với các giao dịch G7.
- Phát triển các sản phẩm phái sinh lãi suất và tỷ giá để cung cấp giải pháp tài chính cho khách hàng doanh nghiệp.

#### 2.1.4 Hoạt động của mảng đầu tư và Ngân hàng lưu ký

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu, tìm kiếm các tổ chức phát hành trái phiếu tín nhiệm với mức lãi suất hấp dẫn và đảm bảo tính thanh khoản trên thị trường. Đồng thời, khai thác nhu cầu của khách hàng trái phiếu ở tất cả các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.
- Phát triển các dịch vụ đối với các Công ty chứng khoán, Công ty Quý, Quản lý quỹ.
- Tiếp tục cung cấp các dịch vụ cho nghiệp vụ Quản lý trái phiếu doanh nghiệp: Đại lý Lưu ký và thanh toán, Đại lý quản lý tài khoản.
- Triển khai củng cố các dịch vụ lưu ký truyền thống.

#### 2.1.5 Hoạt động định chế tài chính (FI)

- Tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ sâu rộng với các định chế tài chính trong nước và nước ngoài đang hiện hữu, đồng thời tìm kiếm thêm các đối tác tiềm năng mới.
- Chú trọng tăng cường hạn mức tài trợ thương mại từ các định chế tài chính cho TPBank để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của TPBank.
- Bám sát kế hoạch về nhu cầu nguồn trung-dài hạn của ngân hàng, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các nguồn vốn giá tốt từ các định chế tài chính ở nước ngoài.

#### 2.1.6 Quản lý rủi ro và kiểm soát, kiểm toán nội bộ

- Với định hướng phát triển bền vững, TPBank ưu tiên củng cố năng lực quản trị rủi ro chung toàn hàng. Rà soát và nâng cấp mô hình phân loại rủi ro quốc gia trong hoạt động của TPBank, tiếp tục rà soát và cập nhật khung quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro định chế tài chính, rủi ro đầu tư, rủi ro tài sản đảm bảo là tài sản tài chính của TPBank, đồng thời xây dựng khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của NHNN và Basel II.
- Tăng cường nhận thức toàn hàng về phòng ngừa rủi ro vận hành nói chung, rủi ro gian lận nói riêng giảm tổn thất và gián đoạn kinh doanh do rủi ro vận hành gây ra.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro tín dụng để phát triển quan hệ gắn bó với khách hàng, tăng cường chính sách chăm sóc khách hàng một cách hợp lý, hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ nhằm phát hiện sớm các sai phạm, yêu cầu chỉnh sửa kịp thời, hạn chế rủi ro cho ngân hàng. Xây dựng hướng dẫn nhận biết khách hàng phục vụ công tác phòng chống rửa tiền.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy kiểm toán, kiểm soát tuân thủ. Thiết lập các cuộc kiểm tra tại các đơn vị, tăng cường công tác kiểm toán theo chuyên đề, kiểm soát tốt tính tuân thủ quy trình và đạo đức cán bộ, nhận diện đánh giá những vấn đề có khả năng xảy ra rủi ro. Tăng cường công tác giám sát tuân thủ từ xa thường xuyên, phát huy vai trò giám sát từ xa hiệu quả trên các nghiệp vụ phát sinh của ngân hàng,
- Hoàn thiện việc rà soát văn bản tránh lỗi hổng trong quy trình, quy định vận hành tại các đơn vị. Đảm bảo hoạt động thông suốt, không phát sinh rủi ro. Duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ của dịch vụ khách hàng, tiếp tục triển khai công tác cải tiến trên toàn hệ thống.

### 2.2 Về chính sách nhân sự

- Nâng cao chất lượng ứng viên đầu vào, đảm bảo nhân sự được tuyển dụng phù hợp, đủ và kịp thời với yêu cầu phát triển của ngân hàng (tổng Nhân sự tới 31/12/2019 dự kiến tăng 7% so với năm 2018).
- Rà soát và điều chỉnh giảm định biên nhân sự trong toàn hàng, thúc đẩy tăng năng suất lao động và chỉ số lợi nhuận bình quân trên lao động. Kiểm soát chặt định biên nhân sự các đơn vị, gắn điều kiện tăng năng suất lao động của từng đơn vị trong ngân hàng.
- Đẩy mạnh việc quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ kế cận.
- Rà soát hệ thống đãi ngộ của ngân hàng, đảm bảo có các điều chỉnh trên nguyên tắc công bằng nội bộ và cạnh tranh so với thị trường.
- Tăng cường đào tạo chuẩn hóa theo chức danh và đào tạo đội ngũ cán bộ tiềm năng.



## 2.3 Đầu tư phát triển công nghệ, hiện đại hóa ngân hàng

Với mục tiêu khẳng định tên tuổi ngân hàng Số hàng đầu Việt Nam, năm 2019 TPBank tập trung phát triển các dự án ngân hàng số trên cơ sở ứng dụng những giải pháp và kinh nghiệm thành công của những công ty hàng đầu trên thế giới, cụ thể:

- Triển khai nền tảng ngân hàng số-Digital Banking: TPBank triển khai mô hình ngân hàng số một cách tổng thể trên cơ sở kết quả đánh giá và lựa chọn đối tác triển khai có giải pháp được đánh giá là hàng đầu thế giới hiện nay.
- Chuyển đổi eBank sang nền tảng công nghệ mới: Trên nền tảng công nghệ mới từng bước chuyển đổi hệ thống eBank sang nhằm cung cấp trải nghiệm mới cho khách hàng, tận dụng nền tảng số khai thác các tính năng Digital sale, Digital marketing...
- Xây dựng hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu / báo cáo quản trị tập trung: Dựa trên kết quả của dự án Datawarehouse, xây dựng mô hình báo cáo quản trị linh hoạt, tăng tính chủ động cho người dùng rút ngắn thời gian xử lý báo cáo, hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng.
- Số hóa tối đa các quy trình nghiệp vụ, giảm giấy tờ in ấn, các bước vận hành luân chuyển chứng từ.
- Quy hoạch hệ thống hạ tầng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh: TPBank tiếp tục nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ và giải pháp an ninh theo thực tế kinh doanh.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ nội bộ: Dựa trên các qui trình ISO20000 và ITIL Ngân hàng tiến hành cải tiến và tối ưu quy trình nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao tỷ lệ giao dịch thành công, thời gian sẵn sàng của hệ thống và sự hài lòng của khách hàng.
- Tăng cường an toàn bảo mật triển khai các giải pháp An toàn thông tin: Mở rộng triển khai toàn hàng phòng chống thất thoát dữ liệu, triển khai chống tấn công ứng dụng, giám sát tấn công APT.
- Triển khai các dự án xây dựng mô hình cơ sở dữ liệu theo dự án Basel 2.

## 2.4 Phát triển mạng lưới hoạt động

- Trong năm 2019, TPBank sẽ tiếp tục tìm kiếm địa điểm mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng ở các khu trọng điểm.
- Mở rộng mạng lưới LiveBank với thêm 100 điểm mới.

## 2.5 Kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động

- Kiểm soát chặt chi phí, đảm bảo chi tiêu hợp lý, hiệu quả, đảm bảo tập trung nguồn lực đầu tư phục vụ những mục tiêu hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong năm 2019 và những năm kế tiếp theo chiến lược phát triển TPBank đến năm 2020 đã được phê duyệt.
- Quản lý hệ số chi phí hoạt động/ thu nhập thuần (C/I) của toàn hệ thống không vượt quá mức phê duyệt của từng thời kỳ.
- Tiếp tục rà soát hiệu quả hoạt động và năng suất lao động của các đơn vị trên toàn hệ thống. Ưu tiên bổ sung nguồn nhân lực cho các hoạt động trực tiếp, kiểm soát chặt và hạn chế lao động gián tiếp, lao động gián đơn.

## IV. KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và định hướng kế hoạch năm 2019 của TPBank, với những định hướng đúng đắn, sáng suốt từ HĐQT cùng với năng lực quản lý điều hành của Ban điều hành, Ngân hàng đã đạt được những thành công nhất định trong hoạt động kinh doanh, đánh dấu tên tuổi trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Ban điều hành ngân hàng tin tưởng rằng với sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Ngân hàng, cùng với sự đồng hành của các Cổ đông và khách hàng trong suốt thời gian qua thì TPBank sẽ chinh phục những mốc mục tiêu kinh doanh mới trong năm 2019 và các năm sau đó, đưa TPBank lọt vào Top 10 ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam hoạt động hiệu quả, không chỉ về quy mô mà còn về chất lượng và hiệu quả hoạt động.

**Trân trọng báo cáo!**

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN HƯNG**

# HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI



## TRỤ SỞ CHÍNH

Tòa nhà TPBank, 57 Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

### AN GIANG

#### • TPBank An Giang

Tòa nhà 204 - 204A đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên

### BÌNH DƯƠNG

#### • TPBank Bình Dương

Số 309A - 311 đại lộ Bình Dương, P.Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một

#### • TPBank Dĩ An

Số 1 Nguyễn An Ninh, khu phố Nhị Đồng 2, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BẮC NINH

#### • TPBank Bắc Ninh

302 Trần Hưng Đạo, Thành phố Bắc Ninh

### CẦN THƠ

#### • TPBank Cần Thơ

Số 135 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

#### • TPBank Bắc Cần Thơ

25 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

### ĐÀ NẴNG

#### • TPBank Đà Nẵng

Số 155 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

#### • TPBank Bắc Đà Nẵng

353 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, Đà Nẵng

#### • TPBank Hải Châu

112 Nguyễn Hữu Thọ, P.Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

### ĐỒNG NAI

#### • TPBank Đồng Nai

Số 264A, khu phố 2, đường Phạm Văn Thuận, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

#### • TPBank Biên Hòa

Số 97 Đường 30/4, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### KIÊN GIANG

#### • TPBank Kiên Giang

Số 154 - 156 - 158 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

### HÀ NỘI

#### • TPBank Hoàn Kiếm

Số 38-40 Hàng Da, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

#### • TPBank Nam Hà Nội

Số 236 Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

#### • TPBank Hồ Gươm

26 Hàng Muối, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, HN

#### • TPBank Lê Ngọc Hân

Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Hai Bà Trưng, HN

#### • TPBank Hai Bà Trưng

300-302 Trần Khát Chân, Q. Hai Bà Trưng, HN

#### • TPBank Long Biên

Số 489 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, Hà Nội

#### • TPBank Hà Nội

Tòa nhà ĐL, 22 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

#### • TPBank Hà Thành

Tầng 1, nhà B tòa nhà số 2 Chùa Bộc, Q. Đống Đa, Hà Nội

#### • TPBank Trung Hòa - Nhân Chính

Tầng 1, tòa nhà 24 T1, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

#### • TPBank Ba Đình

37 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội

#### • TPBank Đống Đa

Lô 1-16 Dãy B, Khu Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, Hà Nội

#### • TPBank Đống Đa

Tầng 1, tòa nhà LICOGI 13, Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, HN

#### • TPBank Thăng Long

129-131 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

#### • TPBank Phạm Hùng

Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

#### • TPBank Mỹ Đình

Tầng 1 Tòa nhà MDComplex, KĐT Mỹ Đình 1, Phố Nguyễn Cơ Thạch, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

#### • TPBank Linh Đàm

Biệt thự 10BT1, KĐT Bắc Linh Đàm, Nguyễn Hữu Thọ, quận Hoàng Mai, Hà Nội

#### • TPBank Hoàng Mai

Tòa nhà Licogi 19, số 25 Tân Mai, P. Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

#### • TPBank Thành Đô

Tòa nhà số 7 Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

#### • TPBank Tây Hà Nội

535 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

#### • TPBank Thanh Trì

Số 407-409 Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội

#### • TPBank Thanh Xuân

194 Lê Trọng Tấn, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

#### • TPBank Hà Đông

38A Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội

#### • TPBank Chiến Thắng

139E + 139G Chiến Thắng, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội

#### • TPBank Sơn Tây

Số 314 Phố Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, TP. Hà Nội

### HẢI PHÒNG

#### • TPBank Hải Phòng

Số 8-10 Cầu Đất, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

#### • TPBank Tô Hiệu

Số 219 Tô Hiệu - Lê Chân - Hải Phòng

### HỒ CHÍ MINH

#### • TPBank Hồ Chí Minh

456A Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Nguyễn Oanh

112-114 Nguyễn Oanh, P. 7, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Cộng Hòa

Tòa nhà Tây Hồ, 73 Cộng Hòa, P. 4, Quận Tân Bình, TP.HCM

#### • TPBank Gia Định

481-483 Bạch Đằng, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Tây Sài Gòn

290 Lãnh Binh Thăng, P. 11, Q. 11, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Tân Bình

301 Nguyễn Văn Trỗi, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM

#### • TPBank Sài Gòn

164B-166 Lê Hồng Phong, P. 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Phú Mỹ Hưng

D204-D205, Lô R19-1 - Khu phố Mỹ Toàn 3, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

#### • TPBank Bến Thành

180 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Hùng Vương

Số 32A Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Củu Long

Số 445 đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Q. Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

#### • TPBank Bình Thạnh

81 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

#### • TPBank Quận 4

9-11 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP Hồ Chí Minh

#### • TPBank Học Môn

1/1-1/2, Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Mỹ Tây, xã Trung Chánh, H. Học Môn, TP.HCM

#### • TPBank Bình Chánh

A22/5 Quốc lộ 50, Bình Hưng, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Thủ Đức

190 Đặng Văn Bi, Khu Phố 1, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

#### • TPBank Đô Thành

93-95 Nguyễn Cư Trinh, Phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Hồ Chí Minh

#### • TPBank Phan Đăng Lưu

623 Lũy Bán Bích, P Phú Thạnh Q Tân Phú, TP.HCM

### QUẢNG NINH

#### • TPBank Quảng Ninh

Tầng 1 tòa nhà Hạ Long DC, số 8 đường 25/4, P. Hồng Gai, TP. Hạ Long

#### • TPBank Cẩm Phả

749-751 Trần Phú, TP. Cẩm Phả, T. Quảng Ninh

### NGHỆ AN

#### • TPBank Nghệ An

Lô 12, cụm CT1 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

#### • TPBank Vinh

140 Đại lộ Lê Nin, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

### ĐẮK LẮK

#### • TPBank Đắk Lắk

Số 56 - 58 Y Jút, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

### KHÁNH HOÀ

#### • TPBank Nha Trang

Số 9F Lê Thánh Tôn, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

### THANH HOÁ

#### • TPBank Thanh Hóa

Lô 13,14 Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa

### THÁI NGUYÊN

#### • TPBank Thái Nguyên

70 Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên

DANH SÁCH  
**NGÂN HÀNG**  
LIÊN KẾT



## UNITED STATES

- Wells Fargo Bank, N.A, New York International Branch
- JPMorgan Chase Bank, N.A
- CitiBank, N.A
- Woori America Bank
- Woori Bank, New York
- Bank of New York Mellon, HO
- Industrial & Commercial Bank of China
- Shinhan Bank
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, NY Branch
- BNP Paribas, New York Branch
- Habib American Bank, HO
- Woori America Bank, Los Angeles
- Wells Fargo Bank, N.A
- Wells Fargo Bank, N.A
- International Finance Corporate
- Toronto Dominion Bank USA NA
- First Bank
- PNC Bank N.A, HO
- Silicon Valley Bank
- Zions First National Bank, HO
- U.S Bank National Association, HO
- Mashreq Bank PSC., New York branch
- Commerzbank AG, New York branch

## ITALY

- UniCredit S.P.A
- Intesa Sanpaolo SPA Head OfOce
- Banca Valsabbina S.C.P.A, HO
- Banca Popolare di Sondrio
- Banca Popolare dell'Emilia Romagna (BPER Banca), HO
- UBI Banca, HO

## SINGAPORE

- Unicredit Bank AG Singapore Branch (HypoVereins-Bank AG Singapore Branch)
- Svenka Handelsbanken, Singapore branch
- United Overseas Bank Ltd. Head OfOce
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Singapore Branch
- Skandinaviska Enskilda Banken AB (PUBL). Singapore Branch
- Mizuho Bank, Ltd. Singapore Branch
- CitiBank, N.A. Singapore Branch
- Industrial & Commercial Bank of China
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Singapore Branch
- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris)
- RHB Banking Group, Singapore Branch
- Raiffeisen Bank International AG, Singapore branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd, Singapore branch
- DBS Bank, HO
- KBC Bank, Singapore Branch
- Landesbank Baden-Wuerttemberg, Singapore branch
- Wells Fargo Bank, Singapore branch
- Commerzbank AG, Singapore branch
- Intesa Sanpaolo, Singapore branch

## GERMANY

- Deutsche Bank AG
- BHF-BANK Aktiengesellschaft
- Vietinbank, German Branch
- Landesbank Baden-Wuerttemberg
- Unicredit Bank AG (HypovereinsBank)
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Duesseldorf Branch
- WGZ Bank AG (Westdeutsche Genossenschafts-Zentral Bank), HO
- KBC Bank, Duesseldorf Branch
- Bremer Kreditbank AG, HO
- Mizuho Bank, Duesseldorf branch
- HSH Nordbank AG, HO
- Joh. Berenberg Gossler Und Co. KG, HO
- Commerzbank AG., HO (TFC)
- Commerzbank AG., HO

## CHINA

- Wells Fargo Bank, N.A, Shanghai Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Shanghai branch
- Bank of Communications, HO
- KBC Bank, Shanghai Branch

- Industrial & Commercial Bank of China, Head OfOce
- China Construction Bank Corporation
- Shinhan Bank China Limited
- Kookmin Bank (China) Limited
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Beijing branch
- Postal Saving Bank of China, HO
- Jiangsu Zijin Rural Commercial bank, HO
- Bank of Jiangsu, HO
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Guangzhou branch
- Bank of Guiyang
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Tianjin branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Suzhou branch
- Industrial Bank Co., Ltd
- Chengdu Rural Commercial Bank
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Shenzhen branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Hangzhou branch
- Mizuho Bank Ltd., Shanghai branch
- DBS Bank China Limited
- Commerzbank AG, Shanghai branch
- Huishang Bank Corporation Ltd., HO
- Dongying Bank Co., Ltd.
- Evergrowing Bank, HO
- Yinzhou Bank, HO
- Bank of Liuzhou, HO

## UNITED KINGDOM

- Wells Fargo Bank, N.A., London Branch
- Bank of New York Mellon, London Branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Citibank N.A
- JPMorgan Chase Bank, N.A (European Headquarters)
- KEB Hana Bank, London branch
- KBC Bank, London Branch
- First City Monument Bank, London branch
- Kookmin Bank International Ltd.
- Mizuho Bank, London branch
- Mashreq Bank PSC., London branch
- Shinhan Bank, London branch

## HONG KONG

- Wells Fargo Bank, N.A., Hongkong Branch
- Skandinaviska Enskilda Banken AB
- Svenska Handelsbanken HongKong Branch
- Unicredit Bank AG HongKong Branch (Hypovereinsbank HongKong)
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, HongKong Branch
- Erste Bank Der Oesterreichischen Sparkassen AG, Hongkong branch
- KBC Bank, Hongkong Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Hongkong branch
- DBS Bank Ltd., Hongkong branch
- Shinhan Bank, Hongkong branch
- Commerzbank AG, Hongkong branch

## SPAIN

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Madrid Branch
- CaixaBank, S.A
- Kutxabank S.A. in Bilbao, HO
- Banco De Sabadell, HO

## SWEDEN

- Skandinaviska Enskilda Banken
- Svenska Handelsbanken HO

## JAPAN

- Wells Fargo Bank, N.A., Tokyo Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation
- Mizuho Bank, Ltd
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Resona Bank Ltd.
- China Construction Bank - Japan Branch
- Kookmin Bank, Tokyo branch
- Banco Do Brasil SA, Tokyo branch

- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris) Tokyo Branch
- Citibank, Tokyo Branch
- Towa Bank Ltd
- Commerzbank AG, Tokyo branch

## KOREA

- Wells Fargo Bank, N.A., Seoul Branch
- Woori Bank, Seoul
- KEB Hana Bank, HO
- Industrial & Commercial Bank of China, Seoul Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Seoul Branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Busan Bank
- Kookmin Bank
- Suhyup Bank - National Federation of Fisheries Cooperatives
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Seoul branch
- Shinhan Bank, HO
- Daegu Bank Ltd
- Industrial Bank of Korea HO

## THAILAND

- JBangkok Bank Public Company Limited
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Bangkok Branch
- Siam Commercial Bank
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Bangkok branch
- RHB Bank Berhad
- Kasikorn Bank Public Company, HO

## PHILIPPINES

- Mizuho Bank, Ltd., Manila Branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Maybank Philippines Inc.
- Asian Development Bank

## INDONESIA

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Jakarta Branch
- Bank Artha Graha Internasional TBK., PT. HO
- PT Bank Mayora, HO
- Bank Central Asia, HO

## MALAYSIA

- Public Bank Bhd
- Mizuho Bank (Malaysia) Berhad
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Labuan Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Labuan branch
- Maybank, HO
- UOB, Malaysia Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation Malaysia Berhad
- RHB Banking Group, HO
- Bank Al Habib Limited, Labuan branch

## FRANCE

- Bayerische Hypo-Und VereinsBank Paris
- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris) Head OfOce
- KBC Bank, Paris Branch
- Mizuho Bank, Paris branch

## AUSTRALIA

- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Mizuho Bank, Ltd. Sydney Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Sydney branch
- Commonwealth Bank, HO
- National Australia Bank, HO

## INDIA

- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, New Delhi branch
- TJSB Sahakari Bank Ltd., HO
- Mashreq Bank PSC., Mumbai branch
- DBS Bank Ltd., Mumbai branch
- Shinhan Bank, Mumbai branch
- ICICI Bank, HO

## TAIWAN

- Wells Fargo Bank, N.A., Taipei Branch
- Mizuho Bank, Ltd., Taipei Branch
- Shanghai Commercial & Savings Banking, Ltd
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Taipei branch
- DBS Bank Limited, Taipei Branch
- Bank of New York Mellon, Taipei branch

## DENMARK

- Citibank International PLC
- Spar Nord Bank A.S, HO
- Danske Bank, HO

## CZEK REPUBLIC

- Citibank Europe Plc, Organizacni Slozka
- Unicredit Bank Czech Republic and Slovakia, A.S
- Cseka Sportelna Bank HO
- Ceskoslovenska Obchodni Banka A.S

## NORWAY

- Danske Bank, Trondheim branch

## LUXEMBOURG

- Banque Internationale A Luxembourg S.A
- Industrial & Commercial Bank of China (Europe) Luxembourg
- Industrial and Commercial Bank of China, Luxembourg branch

## ISRAEL

- Bank Leumi Le Israel B.M

## BELGIUM

- KBC Bank NV
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Brussels Branch
- BNP Paribas Fortis NA/SV
- CBC Banque
- BelQus bank SA/NV, HO
- Mizuho Bank, Brussels branch

## SLOVENIA

- Hypo Alpe-Adria-Bank D.D.
- UNICREDIT BANKA SLOVENIJA D.D.

## RUSSIA

- Zao CitiBank, Moscow
- Industrial & Commercial Bank of China (Moscow)
- Unicredit Bank AO

## SRI LANKA

- MCB Bank Limited
- Sampath Bank PLC., HO
- Hatton National Bank Plc., HO
- Commercial Bank of Ceylon Ltd, HO

## PAKISTAN

- Habib Metropolitan Bank Ltd
- JS Bank Limited, HO
- Bank Al Habib Limited, HO
- Summit Bank Ltd, HO

## UNITED ARAB

- Industrial & Commercial Bank of China Ltd, Dubai (DIFC) Branch
- Habib Bank AG Zurich, Dubai UAE
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Dubai branch
- Mashreq Bank PSC., HO
- Commerzbank AG, Dubai branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Abu Dhabi branch

## UKRAINE

- UkrsotsBank

## BAHRAIN

- Mashreq Bank PSC., Manama branch

## FIJI

- Australia and New Zealand Banking Group Ltd

## AUSTRIA

- Raiffeisen Bank International AG
- Erste Group Bank AG, HO
- Erste Bank Der Oesterreichischen Sparkassen AG, HO
- Mizuho Bank, Vienna branch
- Steiermaerkische Bank und Sparkassen AG., HO

## BOSNIA & HERZEGOVINA

- Unicredit Bank

## CAMBODIA

- Kookmin Bank Cambodia Plc.
- Osk Indochina Bank Limited
- Cambodian Public Bank Plc.

## MYANMAR

- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Yangon branch
- BIDV, Yangon branch
- Myanmar Oriental Bank, HO

## TURKEY

- Turkiye Is Bankasi AS, HO

## PORTUGAL

- Caixa Geral de Depósitos, S.A.

## NETHERLANDS

- GarantiBank International N.V.
- KBC Bank, Rotterdam Branch
- Mizuho Bank, Amsterdam branch

## LITHUANA

- Siauliu Bankas AB, HO

## EGYPT

- Ahli United Bank, HO
- Piraeus Bank SA., HO
- Mashreq Bank, Cairo branch

## SWITZERLAND

- Habib Zurich AG, HO
- Commerz Bank AG, Zurich branch
- Zuercher KantonalBank, HO
- Corner Banca S.A., HO

## IRELAND

- Bank of America, N.A, Dublin branch

## GUINEA

- United Bank of Africa, Guinea Branch

## VIETNAM

- Military Commercial Joint Stock Bank
- Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam
- Joint Stock Commercial Bank for Investment & Development of Vietnam
- Vietnam Technological & Commercial Joint Stock Bank
- Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank
- An Binh Commercial Joint Stock Bank
- Vietnam Bank for Agriculture & Rural Development

- Sai Gon - Ha Noi Commercial Joint Stock Bank
- Australia and New Zealand Bank (Vietnam) Limited
- DongA Bank
- Sai Gon Thuong Tin Commercial JS Bank Sacombank
- Hochiminh City Development Joint Stock Commercial Bank
- Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank
- Orient Commercial Joint Stock Bank
- BaoViet Joint Stock Commercial Bank
- Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
- Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank
- Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
- Saigon Commercial Bank (SCB)
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry & Trade
- Asia Commercial Bank
- Vietnam Public JSC Bank (PVCOMBANK)
- Vietnam Export Import Commercial JSB
- National Citizen Joint Stock Bank
- Viet Capital Commercial JSB
- Vietnam Prosperity JSC Bank
- Vietnam Maritime Commercial Stock Bank
- Nam A Commercial Joint Stocj Bank
- Kien Long Commercial Joint Stock Bank
- Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank
- Saigon Bank for Industry and Trade, HO
- Indovina Bank, HO
- Woori Bank, Hanoi
- Woori Bank, HochiMinh
- Hua Nan Commercial Bank, Ltd, HCMC Branch
- China Construction Bank Corporation, HCM Branch
- United Overseas Bank Ltd. HCMC Branch
- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris)
- Ho Chi Minh city Branch
- CitiBank N.A.
- Industrial & Commercial Bank of China, Hanoi Branch
- Mizuho Bank, Ltd, Hanoi Branch
- Bank of Tokyo Mitsubishi UFG, Hanoi Branch
- Industrial Bank of Korea, Vietnam
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, HCMC Branch
- Deutsche Bank, HCMC Branch
- VIETNAM RUSSIA JOINT VENTURE BANK
- Hong Leong Bank Vietnam Ltd
- Hana Bank, HCMC Branch
- Maybank, Hanoi Branch
- Bank of China, HCMC branch
- Kookmin Bank, Ho Chi Minh city branch
- Shinhan Bank Vietnam Limited
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Ho Chi Minh city branch
- Commonwealth Bank, HCMC branch
- Bank Sinopac, Ho Chi Minh city branch
- KEB Hana Bank, HCMC Branch
- KEB Hana Bank, HCMC Branch
- Construction Bank

## BANGLADESH

- Uttara Bank, HO
- Prime Bank Limited, HO
- Brac Bank Limited, HO
- Jamuna Bank Limited, HO
- Islami Bank Bangladesh Limited, HO

## BULGARIA

- Unicredit Bulbank AD

## MALTA

- IIG Bank Ltd.

## POLAND

- Bank Ochrony Srodowiska S.A, HO
- WARSZAWA, Poland

## TANZANIA

- CRDB Bank Limited, HO

## UZBEKISTAN

- Ipoteka Bank, HO

